|  |
| --- |
|  |
| UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN |
| **TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG MAI** |
|  |
|  |
|   |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ** |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| QUẢNG NINH - 2024 |

UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN

**TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG MAI**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Phạm Thị Hiên | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Nhân | P. Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Phạm Thị Cải | P. Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 4 | Bùi Thị Hà | Giáo viên | Thư ký Hội đồng |  |
| 5 | Hoàng Thị Thành | Giáo viên | Ủy viên hội động |  |
| 6 | Nguyễn Thị Hằng | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 7 | Nguyễn Thị Lan Điệp | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 8 | Nguyễn Thị Thu Uyên | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 9 | Phan Thị Thúy Vân | Kế toán | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 10 | Trần Thị Hoa | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 11 | Vũ Mai Hương | Giáo viên | Thư ký Hội đồng |  |
| 12 | Vũ Thị Ngọc Ánh | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 13 | Đinh Thị Ngát | Giáo viên | Thư ký Hội đồng |  |
| 14 | Đoàn Thị Hiếu | Giáo viên | Uỷ viên Hội đồng |  |
| 15 | Đoàn Thúy Lan | NV y tế | Uỷ viên Hội đồng |  |

QUẢNG NINH - 2024

#  MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| [MỤC LỤC](#muc_luc) | 1 |
| [DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT](#viet_tat) | 3 |
| [TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ](#tong_hop_ket_qua) | 4 |
| [**Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**](#phan_i_co_so_du_lieu) | 6 |
| [**Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**](#phan_ii_tu_danh_gia) | 11 |
| [**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**](#a_dat_van_de) | 11 |
| [**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**](#b_tu_danh_gia) | 14 |
| [**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**](#i_tu_danh_gia_tieu_chi_muc_1_2_3) | 14 |
| [**Tiêu chuẩn 1**](#tieu_chuan_1) | 14 |
| [**Mở đầu**](#mo_dau_tieu_chuan_1) | 14 |
| [**Tiêu chí 1.1**](#tieu_chi_1.1)**:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| [**Tiêu chí 1.2**](#tieu_chi_1.2)**:**  Hội đồng trường và các hội đồng khác. | 18 |
| [**Tiêu chí 1.3**](#tieu_chi_1.3)**:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | 21 |
| [**Tiêu chí 1.4**](#tieu_chi_1.4)**:** Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 26 |
| [**Tiêu chí 1.5**](#tieu_chi_1.5)**:** Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 30 |
| [**Tiêu chí 1.6**](#tieu_chi_1.6)**:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 33 |
| [**Tiêu chí 1.7**](#tieu_chi_1.7)**:** Quản lý cán bộ giáo viên và nhân viên | 36 |
| [**Tiêu chí 1.8**](#tieu_chi_1.8)**:** Quản lý các hoạt động giáo dục. | 39 |
| [**Tiêu chí 1.9**](#tieu_chi_1.9)**:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | 42 |
| [**Tiêu chí 1.10**](#tieu_chi_1.10)**:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | 45 |
| [**Kết luận về tiêu chuẩn 1**](#ket_luan_tieu_chuan_1) | 48 |
| [**Tiêu chuẩn 2**](#tieu_chuan_2) | 50 |
| [**Mở đầu**](#mo_dau_tieu_chuan_2) | 50 |
| [**Tiêu chí 2.1**](#tieu_chi_2.1)**:** Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng. | 51 |
| [**Tiêu chí 2.2**](#tieu_chi_2.2)**:** Đối với giáo viên. | 55 |
| [**Tiêu chí 2.3**](#tieu_chi_2.3)**:** Đối với nhân viên. | 60 |
| [**Kết luận về tiêu chuẩn 2**](#ket_luan_tieu_chuan_2) | 62 |
| [**Tiêu chuẩn 3**](#tieu_chuan_3) | 63 |
| [**Mở đầu**](#mo_dau_tieu_chuan_3) | 63 |
| [**Tiêu chí 3.1**](#tieu_chi_3.1)**:** Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 64 |
| [**Tiêu chí 3.2**](#tieu_chi_3.2)**.** Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập. | 67 |
| [**Tiêu chí 3.3**](#tieu_chi_3.3)**.** Khối phòng hành chính- Quản trị. | 69 |
| [**Tiêu chí 3.4**](#tieu_chi_3.4)**.** Khối phòng tổ chức ăn. | 71 |
| [**Tiêu chí 3.5**](#tieu_chi_3.5)**.** Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. | 74 |
| [**Tiêu chí 3.6**](#tieu_chi_3.6)**:** Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | 76 |
| [**Kết luận về tiêu chuẩn 3**](#ket_luan_tieu_chuan_3) | 78 |
| [**Tiêu chuẩn 4**](#tieu_chuan_4) | 79 |
| [**Mở đầu**](#mo_dau_tieu_chuan_4) | 79 |
| [**Tiêu chí 4.1**](#tieu_chi_4.1)**:** Ban đại diện cha mẹ trẻ. | 80 |
| [**Tiêu chí 4.2**](#tieu_chi_4.2)**:** Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 83 |
| [**Kết luận về tiêu chuẩn 4**](#ket_luan_tieu_chuan_4) | 86 |
| [**Tiêu chuẩn 5**](#tieu_chuan_5) | 87 |
| [**Mở đầu**](#mo_dau_tieu_chuan_5) | 87 |
| [**Tiêu chí 5.1**](#tieu_chi_5.1)**:** Thực hiện chương trình giáo dục mầm non. | 87 |
| [**Tiêu chí 5.2**](#tieu_chi_5.2)**:** Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | 91 |
| [**Tiêu chí 5.3**](#tieu_chi_5.3)**:** Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 94 |
| [**Tiêu chí 5.4**](#tieu_chi_5.4)**:** Kết quả giáo dục. | 98 |
| [**Kết luận về tiêu chuẩn 5**](#ket_luan_tieu_chuan_5) | 100 |
| [**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**](#ii_tu_danh_gia_tieu_chi_muc_4) | 102 |
| [**Tiêu chí 1**](#tieu_chi_m4_0)**:**  | 102 |
| [**Tiêu chí 2**](#tieu_chi_m4_1) | 103 |
| [**Tiêu chí 3**](#tieu_chi_m4_2) | 106 |
| [**Tiêu chí 4**](#tieu_chi_m4_3) | 106 |
| [**Tiêu chí 5**](#tieu_chi_m4_4) | 106 |
| [**Tiêu chí 6**](#tieu_chi_m4_5) | 107 |
| [**Kết luận**](#ket_luan_m4) | 108 |
| [**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**](#phan_iii_ket_luan_chung) | 109 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | **Chữ viết tắt** | **Nội dung** |
| 1 | UBND | Ủy ban nhân dân  |
| 2 | TĐG | Tự đánh giá  |
| 3 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 4 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 5 | CBGVNV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 6 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 7 | TNCSHCM | Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh |
| 8 | GDMN | Giáo dục mầm non |
| 9 | LĐNT | Lãnh đạo nhà trường |
| 10 | CBGV | Cán bộ, giáo viên |
| 11 | BGH | Ban giám hiệu |
| 12 | NDCSGD | Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ |
| 13 | TTND | Thanh tra nhân dân |
| 14 | ĐHGDMN | Đại học giáo dục mầm non |
| 15 | VSATTP | Vệ sinh an toàn thực phẩm |
| 16 | SDD | Suy dinh dưỡng  |

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

 **Kết quả:** Đạt mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 | X |  |  |
| Tiêu chí 3 |  | X |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 |  | X |  |
| Tiêu chí 6 |  | X |  |

 **Kết quả:** Không đạt mức 4

 **2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

## Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường mầm non Đông Mai

Cơ quan chủ quản: UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Quảng Ninh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Phạm Thị Hiên |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Thị xã Quảng Yên |  | Điện thoại | 02033873664 |
| Xã/phường/thị trấn | Phường Đông Mai |  | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc gia | X |  | Website |  |
| Năm thành lập trường | 1990 |  | Số điểm trường | 3 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp học** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** | **Năm học 2026-2027** | **Năm học 2027-2028** |
| Nhà trẻ 25-36 tháng | 4 |  |  |  |  |
| Mẫu giáo 3-4 tuổi  | 5 |  |  |  |  |
| Mẫu giáo 4-5 tuổi  | 5 |  |  |  |  |
| Mẫu giáo 5-6 tuổi  | 4 |  |  |  |  |
| **Cộng** | **18** |  |  |  |  |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** | **Năm học 2026-2027** | **Năm học 2027-2028** | **Ghi chú** |
| **I** | **Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo** | 18 |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 18 |  |  |  |  |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 |  |  |  |  |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Khối phòng phục vụ học tập** | **1** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 |  |  |  |  |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khối phòng hành chính quản trị** | **8** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 8 |  |  |  |  |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 |  |  |  |  |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Khối phòng tổ chức ăn** | **4** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà bếp | 3 |  |  |  |  |  |
| 2 | Kho bếp | 1 |  |  |  |  |  |
| **V** | **Các công trình, khối phòng chức năng khác** | **5** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà để xe cho CBGVNV | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | Khu vệ sinh dành cho CBGVNV | 4 |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | **30** |  |  |  |  |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 |  |  |  | 2 |  |
| Giáo viên | 33 | 32 | 3 | 2 | 8 | 23 |  |
| Nhân viên | 2 | 2 |  |  | 1 | 1 |  |
| **Cộng** | **38** | **37** | **3** | **2** | **9** | **27** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** | **Năm học 2026-2027** | **Năm học 2027-2028** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 33 |  |  |  |  |
| 2 | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 13,1 |  |  |  |  |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0 |  |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú) | 14,8 |  |  |  |  |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 |  |  |  |  |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 2 |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2023-2024** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** | **Năm học 2026-2027** | **Năm học 2027-2028** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 474 |  |  |  |  |  |
| - Nữ | 197 |  |  |  |  |  |
| - Dân tộc thiểu số | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 5 |  |  |  |  |  |
| 3 | Khuyết tật | 1 |  |  |  |  |  |
| 4 | Tuyển mới | 115 |  |  |  |  |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 474 |  |  |  |  |  |
| 6 | Bán trú | 474 |  |  |  |  |  |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em/lớp | 26,3 |  |  |  |  |  |
| 8 | Tỷ lệ trẻ em/nhóm | 23,75 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 03-12 tháng | 0 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 13-24 tháng | 0 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 25-36 tháng | 105 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 118 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 140 |  |  |  |  |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 111 |  |  |  |  |  |

## Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

###  A. ĐẶT VẤN ĐỀ

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Đông Mai nằm trên địa bàn phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Năm 1978 trường được thành lập với tên gọi trường Mẫu giáo Đông Mai. Ngày 22 tháng 12 năm 2011 trường được đổi tên là trường Mầm non Đông Mai. Trường có 03 điểm trường với tổng diện tích 5.654.2 m2, trong đó khu trung tâm được đầu tư xây dựng năm 2013-2014 với diện tích 3.036,2 m2; Điểm trường lẻ Thuận Thành diện tích 1.133,5 m2; Điểm trường lẻ Hải Hoà diện tích 1.039,5 m2, các điểm trường đều nằm ở vị trí đông dân cư, thuận tiện cho việc đưa đón trẻ đến trường.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ của các bậc phụ huynh, cùng với sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường sau 45 năm xây dựng và trưởng thành, trường mầm non Đông Mai đã không ngừng phát triển.

Đội ngũ giáo viên của trường đã được nâng cao về trình độ chuyên môn và năng lực công tác, trường có giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, nhiều giáo viên đã đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thị xã, 100% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường. Nhà trường nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc, được chủ tịch UBND thị xã, chủ tịch UBND tỉnh tặng giấy khen và cờ thi đua. Trường tích cực tham gia các phong trào thi đua và các Hội thi đạt kết quả cao. Năm 2016 trường được công nhận trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và được công nhận trường Mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 3; Trường được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1753/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Trong những năm học qua, công tác quản lý, chỉ đạo của nhà trường luôn được đổi mới và cải tiến, Lãnh đạo nhà trường đã bám sát nghị quyết hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong năm học đề ra những giải pháp chỉ đạo phù hợp và dứt điểm từng tháng, từng học kỳ, vì vậy kỷ cương nề nếp nhà trường được duy trì giữ vững và phát huy có hiệu quả. Quản lý tốt nguồn ngân sách nhà nước cấp và các khoản thu khác trong nhà trường đúng nguyên tắc tài chính, sử dụng đúng mục đích. Thực hiện nghiêm túc công khai trong nhà trường, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nguồn ngân sách cấp như lương, phụ cấp theo lương được quản lý đúng theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Nhà trường được đầu tư bổ sung đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo quy định. Cơ sở vật chất ngày càng khang trang gồm 18 phòng học và hệ thống các phòng chức năng, cùng với hệ thống trang thiết bị cơ bản đáp ứng đủ điều kiện phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Đồ dùng, đồ chơi được sắp xếp khoa học, gọn gàng, để tạo cơ hội cho trẻ được hoạt động. Vườn của trường được trồng nhiều loại cây xanh, các loại hoa, rau… Sân chơi được trang bị các loại đồ chơi ngoài trời, đảm bảo cảnh quan sư phạm, phục vụ hoạt động học tập vui chơi cho trẻ sạch, đẹp, an toàn. Bếp ăn đảm bảo theo đúng hệ thống bếp một chiều, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

 **2. Mục đích Tự đánh giá**

2.1. Đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường Mầm non Đông Mai đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2. Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục mầm non, góp phần tạo điều kiện cho nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục, là điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường Mầm non Đông Mai đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1 trong thời gian tới.

 2.3. Thông qua việc tự đánh giá, công tác quản lí của nhà trường sẽ ngày càng chặt chẽ hơn thể hiện qua việc hồ sơ sổ sách của nhà trường được lưu trữ khoa học, có hệ thống, dễ thấy, dễ lấy, dễ tìm. Công tác tự đánh giá là thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi thành viên nhà trường sẽ nhận thức rõ hơn vai trò trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

 **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá**

- Hoạt động TĐG của Trường Mầm non Đông Mai được thực hiện đúng quy trình theo thông tư 19/2018 do Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước:

+ Thành lập Hội đồng TĐG.

+ Xây dựng kế hoạch TĐG.

+ Thu thập, xử lí và phân tích các thông tin, minh chứng.

+ Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

+ Viết báo cáo TĐG.

+ Công bố báo cáo TĐG.

+ Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

- Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau và chủ yếu bằng các phương pháp sau:

+ Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu các Thông tư, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Quảng Ninh về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

+ Phương pháp quan sát: Quan sát thu thập minh chứng để đánh giá các tiêu chí.

+ Phương pháp thống kê: Thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.

+ Phương pháp phỏng vấn những người có liên quan.

+ Phương pháp thảo luận nhóm: Chia sẻ, phản hồi thông tin trong nhóm để đi đến thống nhất trong cách phân tích, nhận định, đánh giá.

+ Phương pháp phân tích: Tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

- Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng các văn bản, các quyết định, công văn quy định hiện hành làm công cụ đánh giá, đó là:

+ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

+ Công văn 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục mầm non.

+ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGD&ĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

+ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13.

+ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 (có hiệu lực từ 01/7/2020).

+ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho cấp học mầm non.

+ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thôngvà trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định ngừng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thông tư số 56/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên.

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, Hiệu trưởng nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường, thành phần của Hội đồng tự đánh giá gồm cán bộ chủ chốt của trường, trưởng các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện đoàn thanh niên, công đoàn, thanh tra nhân dân.... Hội đồng Tự đánh giá đã họp thảo luận Dự thảo kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, thành lập ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hoạt động Tự đánh giá đã được triển khai đồng bộ cho toàn cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, đã huy động được các thành phần cùng tham gia. Do đó, đến tháng 7/2024, sau 9 tháng thực hiện, công tác tự đánh giá cơ bản hoàn thành. Để thể hiện tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thực hiện hơn 200 minh chứng với 25 tiêu chí. Những thông tin minh chứng, những tư liệu thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, bằng hồ sơ, sổ sách được quản lý, lưu trữ tại nhà trường. Thực sự được đầu tư thời gian, công sức, công tác tự đánh giá đã đánh giá được tổng thể các hoạt động của nhà trường theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Đồng thời cũng đã chỉ ra được những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

###  B. TỰ ĐÁNH GIÁ

###  I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

##### Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:Trường Mầm non Đông Mai là đơn vị trực thuộc quản lý của Phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên, có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và điều kiện thực tế của địa phương; có cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Chi bộ đảng lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ đảng. Tổ chức công đoàn, chi đoàn thanh niên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động có hiệu quả. Tất cả các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong trường đều nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động sôi nổi, có chiều sâu, các thành viên trong tổ có ý thức tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo thông tin hai chiều kịp thời. Các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong trường cố gắng phấn đấu thực hiện tốt và thực hiện xuất sắc nhiệm vụ theo từng năm học. Cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, chuyên môn tay nghề, được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, quản lý tài chính, cơ sở vật chất theo quy định của nhà nước; đảm bảo an toàn về an ninh trật tự, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực thẩm và phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

###### Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

***Mức 1:***

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

***Mức 2:***

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

***Mức 3:***

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a)Trường Mầm non Đông Mai xây dựng phương hướng, chiến lược vàphát triển số 102/PHCL-MNĐM ngày 30/10/2021 giai đoạn 2021-2025. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu Giáo dục mầm non được quyđịnh tại Luật giáo dục. Nhà trường thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi. Mục tiêu là giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thể hiện qua định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy phường Đông Mai đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng năm. Đồng thời phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được xác định trên cơ sở những điểm mạnh về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ của nhà trường hiện có. Xác định được nhiệm vụ, giải pháp, tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, được thể hiện qua phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2021- 2025, qua báo cáo tổng kết năm học của nhà trường **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].**

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 được xây dựng chi tiết, có lộ trình thực hiện cụ thể, bám sát với tình hình thực tế của nhà trường, phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, của ngành, từ các mục tiêu phát triển giáo dục trong giai đoạn, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học, từ năm học 2023- 2024 đến năm học 2027- 2028 nhằm điều chỉnh phù hợp với sự phát triển thực tế của địa phương, của đơn vị. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm và phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và Phòng GD&ĐT Quảng Yên phê duyệt theo Quyết định số 1282/QĐ-PGDĐT ngày 05/11/2021 về việc phê duyệt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường mầm non Đông Mai giai đoạn 2021-2025 **[H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].**

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 sau khi được phòng Giáo dục Đào tạo thị xã phê duyệt đều được thông qua cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm học, niêm yết công khai trên bản tin của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh trong nhà trường và nhân dân được biết, đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử website của trường (địa chỉ: Mndongmai.qy.quangninh@.moet.edu.vn), trên cổng thông tin điện tử của phòng GD&ĐT (địa chỉ: pgdquangyen.edu.vn) và được thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết Hội đồng trường. Tuy nhiên chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường. **[H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].**

 **Mức 2:**

Nhà trường đã công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tới Hội đồng trường, CBGVNV của nhà trường; đăng tải trên Website nhà trường để theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch qua các việc cụ thể như: **Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục; đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;** tăng cường CSVC; … Hằng năm, việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường được rà soát trong dịp tổng kết các năm học của nhà trường thông qua báo cáo kết quả đạt được theo từng năm học và biên bản rà soát của Hội đồng trường các năm. Từ đó có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn phát triển của nhà trường **[H1-1.1-06]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09];**

**Mức 3:**

Hằng năm Hội đồng trường đã tiến hành định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường. Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát, đối chiếu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học với các chỉ tiêu trong phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường nhằm rút kinh nghiệm và đưa ra giải pháp phù hợp cho năm sau. Hội đồng trường đã tiến hành định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 để phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và được điều chỉnh, bổ sung tại kế hoạch số ……/KHCL-MNĐM ngày ……. và được phòng GD&ĐT Quảng Yên phê duyệt theo Quyết định số ……/QĐ-PGDĐT ngày ………. về việc phê duyệt điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của trường mầm non Đông Mai giai đoạn 2021-2025.

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, giai đoạn 2021-2025 chưa được sự tham gia góp ý rộng rãi của cha mẹ trẻ và cộng đồng **[H1-1.1- 10]; [H1-1.1- 11].**

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, mục tiêu ngành GD&ĐT thị xã Quảng Yên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố rộng rãi dưới hình thức niêm yết tại bảng tin của nhà trường, đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường và của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, được cấp trên phê duyệt, đã nhận được sự đóng góp ý kiến của CBGVNV, cộng đồng và cha mẹ trẻ. Định kỳ nhà trường có các giải pháp giám sát và rà soát, bổ sung, điều chỉnh giúp chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Phương hướng chiến lược, xây dựng phát triển nhà trường, giai đoạn từ 2021-2026 chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường. Việc công bố, công khai hướng chiến lược, phát triển nhà trường chưa được rộng rãi, đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường còn chậm.

Chiến lược giai đoạn 2021-2025 chưa có nhiều giải pháp đột phá để phát triển nhà trường. Việc công bố, công khai đăng tải phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử của nhà trường còn chậm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục công bố rộng rãi chiến lược phát triển nhà trường qua công thông tin điện tử của nhà trường, trên hệ thống truyền thanh của địa phương, trong các cuộc họp cha mẹ học sinh các năm học tiếp theo. | LĐNT, Hội đồng trường, CBGV, Văn hóa-phường, Ban đại diện cha mẹ trẻ. | - Chỉ đạo của hiệu trưởng- Cán bộ văn hoá phường | Trong các năm học từ 2024-2025 | Không |
| Thường xuyên rà soát, điều chỉnh mục tiêu, biện pháp của phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 phù hợp với nhiệm vụ thực tế trong từng giai đoạn để có những giải pháp đột phá phát triển nhà trường. | LĐNT, Hội đồng trường, CBGV. | -Văn bản chỉ đạo có nội dung liên quan.- Điều kiện thực tiễn của địa phương và nhà trường. | Tháng 9/2024  | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

***Mức 1:***

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

***Mức 2:***

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trường có Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 10615/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã Quảng Yên về việc thành lập hội đồng trường của trường mầm non Đông Mai nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo đúng quy định tại Điều 9, 11 củaĐiều lệ trường mầm non (Ban hành kèm theo thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); thành phần Hội đồng trường đảm bảo đúng quy định Điều lệ trường Mầm non gồm: bí thư cấp uỷ; hiệu trưởng; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên; đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương và đại diện cha mẹ trẻ em; Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Phạm Thị Hiên, Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; thư ký Hội đồng là đồng chí Nguyễn Thị Thanh Nhân, chủ tịch Công đoàn. Nhà trường có Hội đồng Thi đua, khen thưởng, do Hiệu trưởng thành lập hàng năm vào đầu các năm học theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ trường Mầm non; Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng quy định Điều lệ trường Mầm non, Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng là Hiệu trưởng; các thành viên Hội đồng là Phó hiệu trưởng, đại diện cấp uỷ chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Năm 2023 Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xét kỷ luật 01 đồng chí giáo viên do vi phạm chính sách dân số, Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng kỷ luật . Các thành viên của hội đồng gồm: Phó hiệu trưởng, đại diện ấp uỷ chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư Chi đoàn, đại diện các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chấm thi giáo viên giỏi cấp trường và Hội đồng chấm SKKN, mỗi Hội đồng đều có quyết định thành lập quy định rõ cơ cấu tổ chức, thành phần, chức năng và nhiệm vụ trong Hội đồng đều là những đồng chí Cán bộ, giáo viên gương mẫu luôn đi đầu trong các phong trào thi đua của nhà trường, làm việc công tâm, trung thực trong việc bình xét, xếp loại thi đua và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H2-1.2-01];[H2-1.2-02];[H2-1.2-03]; [H1-1.1-02];**

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Cụ thể: Hằng năm Hội đồng trường xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động và phân công chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên trong hội đồng trường phù hợp với năng lực và chức năng nhiệm vụ của từng người, Hội đồng trường họp định kỳ ba lần trong một năm học để quyết nghị về tổ chức, mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt đông hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương về sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường trong năm học, đồng thời thực hiện nghiêm túc công tác giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng Thi đua, khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức, thúc đẩy các phong trào thi đua trong nhà trường, bình xét, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBGVNV và trẻ em trong nhà trường. Hội đồng kỷ luật xét kỷ luật viên chức vi phạm chính sách dân số. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, Hội đồng thẩm định sáng kiến giúp Hiệu trưởng tuyên dương, nhân rộng những tấm gương điển hình tiên tiến trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo động lực phát triển sự nghiệp giáo dục của nhà trường đồng thời giúp Hiệu trưởng đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên trong nhà trường. [**H2-1.2-04];** [**H2-1.2-05];** [**H2-1.2-06];** [**H2-1.2-07].**

c) Hoạt động của các hội đồng trong nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm thông qua các cuộc họp của từng Hội đồng. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. Bên cạnh đó, hằng năm nhà trường có nhận xét đánh giá về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đánh giá hoạt động của các hội đồng thể hiện được thể hiện trong báo cáo tổng kết các năm học. [**H2-1.2-08]; [H1-1.1-02].**

 **Mức 2:**

Thông qua việc định kỳ rà soát, đánh giá nhà trường đã kịp thời điều chỉnh hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng thi đua khen thưởng, tư vấn. Kết quả là các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch nhà trường được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Các Hội đồng hoạt động có hiệu quả; các danh hiệu khen cao của cá nhân trình cấp trên đều được công nhận. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp năm sau cao hơn năm trước; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được nâng lên. Tuy nhiên công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng cho cán bộ, giáo viên đôi khi chưa sâu, rộng. **[H2-1.2-9]; [H1-1.1-02].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các hội đồng được thành lập theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non.Trong các năm học, các Hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường. Chất lượng đội ngũ được nâng lên, được phụ huynh và nhân dân địa phương tin tưởng.

 Hoạt động của các Hội đồng được rà soát, đánh giá định kỳ, điều chỉnh kịp thời kế hoạch để thực hiện tốt mục tiêu phấn đấu của nhà trường, hoạt động của Hội đồng trường trong từng năm học.

 **3. Điểm yếu**

Việc giám sát xây dựng phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường của hội đồng trường đôi khi chưa kịp thời, chưa sát sao.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển của các Hội đồng.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| - Hội đồng trường xây dựng kế hoạch chi tiết, giao trách nhiệm cho từng thành viên, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược. Tích cực xây dựng đóng góp ý kiến của các thành viên trong hội đồng trường. |  Hội đồng trường | - Chỉ đạo của hiệu trưởng- Cán bộ văn hoá phường | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| - Các Hội đồng thường xuyên rà soát, đánh giá định kỳ, điều chỉnh kịp thời kế hoạch để thực hiện tốt mục tiêu phấn đấu của nhà trường, hoạt động của Hội đồng trường trong từng năm học.  | Các Hội đồng trường trong nhà trường | - Văn bản chỉ đạo có nội dung liên quan.- Điều kiện thực tiễn của địa phương và nhà trường. | Tháng 12/2024  | Không |
| - Quan tâm kiện toàn cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường trong trường hợp có sự thay đổi về nhân sự. | Hiệu trưởng | Lãnh đạo cấp trên phê duyệt | Tháng 9/2024 và các năm tiếp theo | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

***Mức 1:***

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo*

*quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

***Mức 2:***

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

 ***Mức 3:***

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Trường Mầm non Đông Mai có các tổ chức đoàn thể theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

 Tổ chức Công đoàn nhà trường gồm 38 đoàn viên, được chia thành 4 tổ. Ban chấp hành Công đoàn gồm 3 đồng chí, Chủ tịch Công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Thanh Nhân. Phó chủ tịch là đồng chí Nguyễn Thị Lệ Quyên. Chi đoàn thanh niên thành lập và hoạt động có quyết định từ năm 2012. Tổng số đoàn viên 13 đồng chí, Ban chấp hành Chi đoàn có 05 đồng chí gồm 01 Bí thư, 01 Phó bí thư và 03 ủy viên, đồng chí Hoàng Thị Thành - Bí thư Chi đoàn; đồng chí Bùi Thị Hà - Phó bí thư Chi đoàn. Công đoàn trường hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và quy chế phối hợp hoạt động với các tổ chức trong nhà trường; giáo dục đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên thông qua các hoạt động: Thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ như 20/10, 20/11, 8/3 **[H3-1.3-01].**

 Đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đoàn trường hàng năm. Ban chấp hành Đoàn trường, chi đoàn định kì mỗi tháng họp một lần tập trung vào Nghị quyết thực hiện nhiệm vụ đoàn viên, thực hiện điều lệ Đoàn, giáo dục lý tưởng - đạo đức đoàn viên, tham gia giáo dục giới tính phòng chống bạo lực học đường, thực hiện nề nếp nội quy nhà trường, thi đua học tập, đi đầu trong các hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao, thực hiện các phong trào tình nguyện: Hiến máu, Chăm lo xây dựng bảo vệ môi trường - cây xanh; đền ơn đáp nghĩa; an toàn giao thông; … ngoài ra Ban chấp hành Đoàn trường, chi đoàn có hoạt động sinh hoạt đột xuất căn cứ vào chỉ đạo của đoàn phường, Đoàn trường vào các dịp lễ kỉ niệm, chào mừng **[H3-1.3-02].**

b) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chính Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục **[H3-1.3-01]; [H3-1.3-02].**

Công đoàn nhà trường tổ chức đại hội nhiệm kì 2022 - 2025, sau khi đại hội ban chấp hành đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kì và từng năm học. Năm học 2023 - 2024 Công đoàn xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, rà soát; nâng cao chất lượng đội ngũ, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Thường xuyên quan tâm tới đời sống của từng công đoàn viên. Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của Đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên. **[H3-1.3-01]; [H1-1.1-02].**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường tổ chức đại hội theo từng năm, sau khi đại hội đã bầu ra bí thư để điều hành các hoạt động. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học, phối hợp với Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường **[H1-1.3-02]; [H1-1.1-02].**

c) Hằng năm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn thực hiện các hoạt động, được rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, kết quả qua báo cáo tổng kết của nhà trường **[H1-1.1-02].**

 **Mức 2:**

a) Nhà trường có chi bộ Đảng là chi bộ trường mầm non Đông Mai có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường Đông Mai. Nhiệm kỳ 2022- 2025, chi bộ gồm 22 đồng chí đảng viên, Chi bộ có chi ủy gồm 3 đồng chí (Bí thư: Đồng chí Phạm Thị Hiên; Phó bí thư: Đồng chí Phạm Thị Cải; Ủy viên: Đồng chí Nguyễn Thị Hằng). Các đồng chí đảng viên đều là cán bộ, giáo viên cốt cán, nòng cốt của nhà trường.

Các đảng viên đều thực hiện đúng nhiệm vụ và trách nhiệm của người Đảng viên, không vi phạm Điều lệ Đảng và các việc Đảng viên không được làm. Chi bộ hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả. Thông qua các kỳ đại hội, chi bộ đã đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội chi bộ nhiệm kỳ, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới thể hiện rõ trong các nghị quyết đại hội. Trong năm 2023 chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H3-1.3-03]; H1-1.1-02]; [H3-1.3-04]; [H3-1.3-05].**

b) Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên của nhà trường hoạt động tích cực, giúp nhà trường thực hiện có hiệu quả tốt các mục tiêu giáo dục. Ban chấp hành công đoàn đã phối kết hợp nhịp nhàng với nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phát động có hiệu quả các phong trào thi đua và động viên khuyến khích đoàn viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, từ đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, các phong trào thi đua và các chuyên đề đạt hiệu quả cao”. Công đoàn cùng với chuyên môn làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, phối hợp với chuyên môn phát hiện, bồi dưỡng những cá nhân điển hình tiên tiến, tổ chức nhiều buổi thảo luận, trao đổi và rút kinh nghiệm về trao đổi phương pháp giảng dạy. Công đoàn nhà trường còn chủ động phối hợp cùng với chuyên môn bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn để duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường. Năm 2023-2024 đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh. Tổ chức đoàn thanh niên là cánh tay đắc lực của tổ chức Đảng trong đơn vị, Ban chấp hành chi đoàn đã khơi dậy được sức trẻ của các đồng chí đoàn viên thanh niên luôn tiên phong trong các hoạt động phong trào của nhà trường, năng động trong chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động phong trào bề nổi và công tác chuyên môn trong đơn vị. Nhiều năm liên tục được UBND phường Đông Mai tặng giấy khen Chi đoàn có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn, Hội; Công đoàn, Đoàn thanh niên trường đã phát động các phong trào thi đua gắn với các hoạt động cụ thể như hoạt động cải tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, làm đồ chơi từ rác thải nhựa, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, phong trào ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế các bài giảng điện tử...các hoạt động trên đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường. Hằng năm các tổ chức trên đều có các báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ trong năm học. **[H1-1.1-02].**

**Mức 3:**

a) Chi bộ nhà trường luôn nêu cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong mọi hoạt

động của nhà trường. Thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nhà trường. Mỗi năm chi bộ kết nạp mới từ 02 đến 04 đồng chí đảng viên. Năm 2023 chi bộ nhà trường được Đảng bộ phường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H3-1.3-05].**

b) Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn thanh niên trong nhà trường thường xuyên phối hợp với địa phương trong việc tham gia các hoạt động tập thể như: các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào hiến máu tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, hỗ trợ cài đặt ứng dụng VinID cho người dân trên địa bàn phường…. được Đảng bộ và nhân dân ghi nhận đã đóng góp nhiều thành tích cho địa phương và được thể hiện qua báo cáo tổng kết của nhà trường có nội dung đánh giá về hoạt động của chi bộ và có nội dung đánh giá về đóng góp của các đoàn thể, tổ chức khác cho các hoạt động của nhà trường **[H1-1.1-02].**

 **2. Điểm mạnh**

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được thành lập có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng quy định của Điều lệ.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ phường Đông Mai, chi bộ nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, chi bộ được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ của từng tổ chức Công đoàn, Chi đoàn trường đều hoạt động có hiệu quả, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội giảng…Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

 **3. Điểm yếu**

Lực lượng đoàn viên Công đoàn trong nhà trường 97% là giáo viên nữ, trong đó đa phần trong độ tuổi sinh đẻ, do đó hiệu quả trong một số hoạt động chưa cao.

 Người đứng đầu Đoàn thanh niên và các đồng chí trong ban chấp hành Đoàn thanh niên đều là công tác kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác đoàn còn nhiều hạn chế.

 Kinh phí dành cho các hoạt động còn hạn hẹp.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển về Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện** (phối hợp/ giám sát) | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Xây dựng kế hoạch các hoạt động công đoàn cụ thể, khả thi | BCH công đoàn, Lãnh đạo nhà trường | Các văn bản chỉ đạo | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Sắp xếp thời gian hợp lí để các tổ chức đặc biệt là Đoàn thanh niên hoạt động hiệu quả..  | BCH công đoàn, Lãnh đạo nhà trường | CBQL, ĐTN | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Tập huấn công tác Đoàn Thanh niên | BCH đoàn trường | Đoàn phường | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường. | BCH công đoàn, Lãnh đạo nhà trường | Không | Giai đoạn 2024-2027 | 25.000.000  |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

***Mức 1:***

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

***Mức 2:***

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

***Mức 3:***

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trường Mầm non Đông Mai có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trường gồm có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Phạm Thị Hiên, đồng chí được điều động, bổ nhiệm về công tác tại trường mầm non Đông Mai theo quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND thị xã Quảng Yên; đồng chí Nguyễn Thị Thanh Nhân Phó hiệu trưởng được điều động, bổ nhiệm về công tác tại trường mầm non Đông Mai từ tháng 8/2018 đến nay; đồng chí Phạm Thị Cải Phó hiệu trưởng được điều động, bổ nhiệm về công tác tại trường mầm non Đông Mai theo Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; **[H4-1.4-01].**

b) Nhà trường có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Ngay từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ trường mầm non, có tổ trưởng và tổ phó. Hiện tại năm học 2023-2024 trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn 5 tuổi gồm 10 đồng chí, do đồng chí Vũ Mai Hương làm tổ trưởng, đồng chí Đoàn Thị Hiếu làm tổ phó; Tổ chuyên môn 4 tuổi có 11 đồng chí, do đồng chí Trần Thị Hoa làm tổ trưởng, đồng chí Bùi Thị Hà làm tổ phó; Tổ chuyên môn 3 tuổi có 11 đồng chí, do đồng chí Đinh Thị Ngát làm tổ trưởng, đồng chí Nguyễn Thị Lệ Quyên làm tổ phó; Tổ chuyên môn Nhà trẻ có 10 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Thị Loan làm tổ trưởng, đồng chí Nguyễn Thị Thu Hằng làm tổ phó; Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác được Hiệu trưởng thành lập, bổ nhiệm tổ trưởng và phân công nhiệm vụ vào đầu năm học, tổ văn phòng gồm có 12 đồng chí, do đồng chí Đoàn Thuý Lan làm tổ trưởng, đồng chí Phan Thị Thuý Vân làm tổ phó **[H4-1.4-02]; [H4-1.4-03].**

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện bồi dưỡng, tự bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo viên của tổ thông qua các hoạt động như giờ dạy tốt, hội thảo chuyên đề. Kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Nội dung sinh hoạt chuyên môn cũng được đổi mới, đặc biệt là việc sinh hoạt chuyên môn theo hình thức nghiên cứu bài học.

Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường. Tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lục chuyên môn **[H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06];[H4-1.4-07]; [H4-1.4-08]; [H4-1.4-09]; [H4-1.4-10]; [H1-1.1-02]; [H4-1.4-10].**

 **Mức 2:**

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được từ 7 đến 8 chuyên đề. Các chuyên đề tập trung vào những nội dung như: Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực vào tổ chức cho trẻ Làm quen với toán, khám phá khoa học; hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ; tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội; Tổ chức hoạt động làm quen với toán theo hướng trải nghiệm; Nâng cao cảm thụ nghệ thuật thông qua hoạt động tạo hình, âm nhạc; phát triển vận động……Để thực hiện chuyên đề, tổ chuyên môn phải tiến hành qua các bước như: Tổ tiến hành thảo luận tìm ra những vấn đề còn khúc mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Lựa chọn chuyên đề phù hợp, giải quyết được những yêu cầu trên; Xây dựng nội dung chuyên đề, phân công giáo viên dạy chuyên đề, đánh giá rút kinh nghiệm, tổ chuyên môn đề xuất với nhà trường việc thực hiện các hoạt động tại các nhóm, lớp và các năm học tiếp theo (đối với những chuyên đề được đánh giá thành công), lưu hồ sơ chuyên đề gồm: Kế hoạch, biên bản, báo cáo chuyên đề và bài giảng thực nghiệm **[H4-1.4-11]; [H4-1.4-05]; [H1-1.1-02] .**

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh: tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt mỗi tháng 02 lần, thực hiện rà soát, đánh giá công tác tuần trước và triển khai công tác tuần sau. Ngoài ra các tổ chuyên môn trao đổi, thống nhất các vấn đề về chuyên môn và rà soát việc thực hiện kế hoạch giáo dục. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng cuối học kỳ và cuối mỗi năm học có tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá các hoạt động của tổ trong năm từ đó điều chỉnh các hoạt động của tổ vào các kỳ và các năm tiếp theo. Tuy nhiên nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa phong phú, chưa phát huy được những sáng kiến đổi mới trong giảng dạy [**H4-1.4-11]; [H4-1.4-05].**

**Mức 3:**

a) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động tích cực góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, cụ thể: tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên thông qua các buổi sinh hoạt tổ, qua các buổi chuyên đề, các hội thi đã giúp cho đội ngũ giáo viên nhà trường có chuyên môn vững vàng, kỹ năng sư phạm tốt, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được nâng lên rõ rệt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về mọi mặt. Tổ văn phòng chỉ đạo các thành viên trong tổ thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên chưa có nhiều giải pháp đột phá trong công tác bồi dưỡng giáo viên **[H4-1.4- 04].**

b) Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường hằng năm, các tổ chuyên môn đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chuyên đề như: chuyên đề “Phát triển vận động”, chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực”; lồng ghép nội dung chuyên đề: “Giáo dục bảo vệ môi trường”; chuyên đề “Giáo dục an toàn giao thông", chuyên đề “Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng phó với biến đổi khí hậu”, chuyên đề “Giáo dục bảo vệ biển hải đảo”.....các chuyên đề đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường **[H4-1.4-11]; [H1-1.1-02].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của nhà trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non và hoạt động có hiệu quả. Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được xây dựng chi tiết rõ ràng theo từng kỳ, từng tháng có tính khả thi cao, thực hiện sinh hoạt tổ đảm bảo theo quy định. Hằng năm tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện có hiệu quả chuyên đề để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên hiệu quả, sát thực, công bằng. Chủ động đề xuất những giáo viên, nhân viên có thành tích tốt trong công tác để đề nghị khen thưởng. Các giáo viên, nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 **3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa phong phú, chưa phát huy được những sáng kiến đổi mới trong giảng dạy. Chưa có nhiều giải pháp đột phá trong công tác bồi dưỡng giáo viên.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh, duy trì cơ cấu tổ chức và chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ trường mầm non.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Chỉ đạo tổ chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng giáo viên còn hạn chế trong việc đổi mới phương pháp giáo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đồng bộ ở mỗi nhóm, lớp: Tổ chức hội thảo, chuyên đề, tiết dạy mẫu, dự giờ, kiểm tra…. | CBQL, TCM | không | Giai đoạn 2024-2027 | Nguồn ngân sách trường |
| Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí, kĩ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học. | CBQL, TCM | không | Giai đoạn 2024-2027 | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

***Mức 1:***

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.*

***Mức 2:***

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

***Mức 3:***

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trường có đủ các nhóm lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi quy định tại khoản 1, Điều 15 của Điều lệ trường mầm non ban hành theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT: Năm học 2023-2024 có 18 nhóm, lớp; trong đó có 04 nhóm trẻ 24-36 tháng; mẫu giáo 3-4 tuổi có từ 05 lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi có từ 05 lớp; mẫu giáo 5-6 tuổi có từ 04 lớp. Số trẻ trong độ tuổi đến trường luôn vượt chỉ tiêu kế hoạch năm học 1,03%. Về cơ bản các nhóm, lớp đảm bảo đúng định biên đủ số học sinh theo quy định, tuy nhiên vẫn còn 02 nhóm trẻ và 04 lớp mẫu giáo vượt từ 2->4 trẻ/lớp **H5-1.5-01]; H5-1.5-03];** cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số nhóm, lớp** | **Số lớp** | **Số trẻ** |
| **24-36 tháng** | **3-4 tuổi** | **4-5 tuổi** | **5-6 tuổi** | **24-36 tháng** | **3-4 tuổi** | **4-5 tuổi** | **5-6 tuổi** |
| 2023-2024 | 18 | 4 | 5 | 5 | 4 | 105 | 118 | 140 | 111 |
| 2024-2025 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2025-2026 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2026-2027 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2027-2028 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

b) Trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, các nhóm, lớp học được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo quy định tại Điều lệ trường mầm non **[H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].**

c) Trong năm học 2023- 2024 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Trẻ khuyết tật đến trường được quan tâm và có hồ sơ quản lý theo quy định. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ rõ rệt, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động chung của lớp, nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập **[H5-1.5-02]; [H5-1.5-05].**

 **Mức 2:**

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu được phân chia theo độ tuổi: Tỉ lệ trẻ/nhóm trẻ các năm học từ 2023-2024 trung bình 26 trẻ/nhóm; Tỉ lệ trẻ/lớp mẫu giáo 3-4 các năm 2023-2024 trung bình 23 trẻ/lớp; Tỉ lệ trẻ/lớp mẫu giáo 4-5 tuổi hằng năm trung bình từ 28 trẻ/lớp; Tỉ lệ trẻ/lớp mẫu giáo 5-6 tuổi hằng năm trung bình 28 trẻ/lớp đảm bảo số trẻ/nhóm lớp theo quy định Điều lệ trường mầm non, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên tỉ lệ trẻ/nhóm trẻ năm học 2023-2024, có số trẻ vượt quá quy định trung bình từ 2-4 trẻ/nhóm tại điểm trường Trung tâm. Và số trẻ/nhóm lớp hằng năm cũng chưa được phân chia đồng đều, giữa điểm trường trung tâm và điểm trường lẻ **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-03].**

 **Mức 3:**

Năm học 2023-2024 nhà trường có 18 lớp **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-03].**

 **2. Điểm mạnh**

Trong năm học vừa qua, nhà trường đã chỉ đạo chặt chẽ trong công tác xây dựng kế hoạch phát triển trường, đảm bảo quy mô phát triển nhóm, lớp theo từng năm học; đảm bảo số nhóm lớp, số trẻ đúng quy định; trong việc sắp xếp phân bổ trẻ các nhóm, lớp cơ bản đảm số lượng nam, nữ tương đối đồng đều, hợp lý, không tạo ra sự chênh lệch, thuận lợi cho việc triển khai các nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Trẻ khuyết tật đến trường được quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất để trẻ học hòa nhập, có hồ sơ quản lý theo quy định. Lớp có trẻ khuyết tật xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập và kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ riêng phù hợp với các dạng khuyết tật của trẻ. 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày và được tổ chức ăn bán trú tại trường đảm bảo theo đúng quy định.

 **3. Điểm yếu**

Định biên số trẻ/nhóm, lớp không đồng đều, cụ thể: số trẻ/nhóm, lớp ở 2 điểm trường lẻ thấp hơn số trẻ/nhóm, lớp ở điểm trường trung tâm. Một số nhóm, lớp tại điểm trường trung tâm có số trẻ vượt quá quy định: Nhà trẻ trung bình từ 2 đến 4 trẻ; mẫu giáo trung bình từ 2 đến 4 trẻ. Nguyên nhân do điểm trường trung tâm nằm trên địa bàn đông dân cư, 2 điểm trường lẻ cách xa trung tâm, do vậy khó khăn trong việc bố trí số trẻ/nhóm, lớp được cân đối, đồng đều.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện** (phối hợp/ giám sát) | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Hiệu trưởng chỉ đạo CBGVNV tiếp tục duy trì phát huy điểm mạnh, duy trì quy mô trường, lớp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.  | Hiệu trưởng | không | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Thực hiện nghiêm túc việc phân vùng tuyển sinh, cân đối tỷ lệ trẻ/nhóm, lớp giữa điểm trường trung tâm và điểm trường lẻ. | Hiệu trưởng, giáo viên | Kế hoạch tuyển sinh | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Tích cực tuyên truyền cho phụ huynh ở các khu phố Mai Hoà, Tân Mai, Trại Thành đăng ký cho con học tại 02 điểm trường lẻ Hải Hoà và Thuận Thành. | CBQL và giáo viên | Kế hoạch tuyển sinh; các văn bản liên quan | Giai đoạn 2024-2027 |  |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

***Mức 1:***

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

***Mức 2:***

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

***Mức 3:***

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có đủ hồ sơ quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: Hồ sơ quản lý trẻ em; Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học; hồ sơ phổ cập giáo dục; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; hồ sơ quản lý các văn bản. Nhà trường lưu trữ tương đối đầy đủ, khoa học các hồ sơ, văn bản theo quy định của luật lưu trữ. Hồ sơ được nhà trường sắp xếp và lưu trữ theo mảng công việc, được đựng trong từng hộp có dán nhãn, tích kê, mã hóa đầy đủ, thuận tiện trong việc tra cứu. Các văn bản đi, đến được nhà trường cập nhật và ghi chép đầy đủ trong sổ theo dõi công văn đi, đến **[H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H1-1.1-02].**

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi quyết toán, thống kê báo cáo và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về tài chính và tài sản. Hằng quý, báo cáo công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra công tác tài chính theo quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được nhà trường xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên từ hội nghị cấp tổ đến hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động nhà trường, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế **[H6-1.6-04]; [H6-1.6-05]; [H1-1.1-02].**

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Quản lý tài sản theo từng bộ phận, nhà trường có kế hoạch khai thác và sử dụng thiết bị dạy học, triển khai tới các tổ chuyên môn và giáo viên thực hiện. Trong năm học nhà trường có kiểm tra, đánh giá việc sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học và tài sản của nhà trường. Thực hiện kiểm kê tài sản một năm 02 lần vào giữa năm và cuối năm. Thực hiện báo cáo quyết toán tài chính, tài sản định kỳ, cuối năm tài chính. Thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT; Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Thông tư số 144/2017/TT-BTC; Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP tại bảng thông báo công khai của nhà trường và được thống nhất công khai trong Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo từng năm, được đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường **[H1-1.1-02]; [H6-1.6-06].**

 **Mức 2:**

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: Sử dụng quản lý phần mềm MISA trong quản lí tài chính, tài sản và được đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường về việc ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Tuy nhiên nhà trường chưa thực hiện triển khai được việc ứng dụng phần mềm (EMIS Khoản thu) trong thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt **[H6-1.6-04]; [H4-1.4-07]; [H1-1.1-02].**

b) Trong năm 2023-2024 tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra của ngành, được đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường **[H1-1.1-02]; [H6-1.6-06].**

**Mức 3:**

Căn cứ vào kế hoạch phát triển của nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm và nhu cầu, điều kiện thực tế nhà trường, của địa phương. Nhà trường lấy ý kiến của Công đoàn, tổ chức trong đơn vị xây dựng kế hoạch cơ bản để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch trung hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên một số nội dung triển khai trong kế hoạch ngắn hạn của nhà trường chưa đạt được hiệu quả như mong đợi, chưa phát huy hết năng lực của nhà trường, của địa phương. **[H1-1.1-02]; [H1-1.1-08].**

 **2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường đã tổ chức xây dựng và thực hiện hiệu quả các quy định về tổ chức, hành chính trong nhà trường. Tin học hoá các hoạt động quản trị tổ chức, hành chính của nhà trường đạt hiệu quả. Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm được bổ xung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Huy động được các nguồn tài chính hợp pháp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trong năm 2023-2024, tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

 **3. Điểm yếu**

Một số nội dung triển khai trong kế hoạch ngắn hạn của nhà trường chưa đạt được hiệu quả như mong đợi, chưa phát huy hết năng lực của nhà trường, của địa phương.

Nhà trường chưa thực hiện triển khai được việc ứng dụng phần mềm (EMIS Khoản thu) trong thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**-** Nhà trường tiếp tục duy trì kết quả và điểm mạnh, trong công tác bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách của nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** **(triệu)** | **Nguồn kinh phí** |
| Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin giúp cho việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản đạt hiệu quả cao hơn.  | CBQL, NV kế toán | Các phềm quản lý | Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo |  |  |
| Triển khai sử dụng phần mềm (EMIS Khoản thu) trong thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ của nhà trường. | CBQL, giáo viên và phụ huynh | Phần mềm (EMIS Khoản thu) | Giai đoạn 2024 - 2027  |  |  |
| Xây dựng Đề án XHHGD để mua mới, nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục; trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. | Hiệu trưởng, kế toán  | Tham mưu UBND thị xã phê duyệt Đề án | Giai đoạn 2024 - 2027  | 250  | Xã hội hoá |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

***Mức 1:***

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

***Mức 2:***

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm, căn cứ kết quả đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, căn cứ nhu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp của mỗi giáo viên, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao chất lượng NDCSGD của nhà trường. 100% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, thể hiện qua các kế hoạch như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, thực hiện chuyên đề, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đồ chơi thông minh. Nhà trường đã quan tâm tới việc bồi dưỡng các đồng chí trong quy hoạch về trình độ lý luận chính trị và thực hiện lộ trình nâng chuẩn cho giáo viên, trong năm học vừa qua hiện có 03 giáo viên đang đi học nâng chuẩn; tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên cốt cán được tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng giáo viên cốt cán do phòng giáo dục và Sở giáo dục tổ chức hàng năm. Ngoài ra nhà trường thực hiện rà soát đội ngũ cốt cán để giới thiệu vào quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đảm bảo quy trình theo hướng dẫn của cấp trên. Có hồ sơ theo dõi quản lý nhân sự nhà trường **[H7-1.7-01]; [H7-1.7-02].**

b) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, căn cứ trình độ đào tạo, năng lực, điều kiện cá nhân… của đội ngũ, nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý với các vị trí làm việc quy định, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực sở trường, phù hợp điều kiện thực tế của bản thân giáo viên, đảm bảo các hoạt động của nhà trường, phát huy tối đa năng lực của cán bộ giáo viên, nhân viên. Trong các năm học vừa qua với việc phân công hợp lý đó nhà trường luôn phát huy được năng lực sở trường của từng người, đảm bảo thực hiện hiệu quả cao trong các hoạt độngvà được đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường **[H7-1.7-03]; [H1-1.1-06]; [H7-1.7-04]; [H1-1.1-02].**

c) Trong các năm học qua, 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền lợi theo quy định tại thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về ban hành Điều lệ trường mầm non. Được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, đồ dùng trang thiết bị, văn phòng phẩm để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Được bồi dưỡng nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng lương và các khoản phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật như: Chế độ thai sản theo quy định tại Điều 31 Luật bảo hiểm xã hội 2014 và hướng dẫn của thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH, chế độ lương, trợ cấp lần đầu, phép hè, các khoản phụ cấp thâm niên theo nghị định số 54/2011/NĐ-CP, chế độ công tác lâu năm đối với từng giáo viên theo nghị định 116/2010/NĐ-CP. Được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được tạo điều kiện tham quan học tập kinh nghiệm, giao lưu chuyên môn với các trường trong thị xã. Tạo điều kiện về thời gian, bố trí người dạy thay khi giáo viên ốm đau, thai sản, gia đình có việc hiếu, hỉ, thăm hỏi động viên kịp thời. Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên được chăm lo vật chất và tinh thần trong dịp tết, được bảo vệ nhân phẩm và danh dự cho giáo viên. Đảm bảo chế độ ngày công lao động cho giáo viên đúng quy định. Từ đó, tạo nên tâm lý thoải mái giúp giáo viên yên tâm công tác. Được thể hiện qua sổ nghị quyết; báo cáo tổng kết của nhà trường cuối năm. Điều kiện, chế độ, thời gian làm việc của giáo viên chưa được cải thiện nhiều, còn chịu nhiều áp lực về công việc và thời gian **[H7-1.7-05]; [H3-1.3-01]; [H7-1.7-06].**

**Mức 2:**

Trong các năm học, căn cứ vào đề xuất của các tổ chuyên môn nhà trường có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: Xây dựng quy chế chuyên môn, phân công nhiệm vụ hợp lý đối với mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường, bồi dưỡng nhân tố điển hình, xây dựng các tiêu trí đánh giá xếp loại. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức, thường xuyên tham gia các cuộc thi, các chuyên đề để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ của nhà trường, khuyến khích giáo viên phát huy sáng tạo trong việc làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo, đổi mới phương pháp dạy học. Chỉ đạo các tổ chuyên môn đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn dựa trên cơ sở nghiên cứu bài học. Cuối năm học đánh giá Hiệu trưởng theo chuẩn Hiệu trưởng mầm non thông tư 25/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đánh giá giáo viên mầm non theo thông tư 26/2018/TT- BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non nhằm phát huy được năng lực của CBQL, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên Trong công tác quản lý chưa có nhiều giải pháp đột phá để phát huy hết nội lực, tính năng động trong đội ngũ giáo viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường **[H1-1.1-06]; [H3-1.3-01]; [H1-1.1-02].**

 **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực sở trường, đảm bảo các hoạt động của nhà trường, phát huy tối đa năng lực của cán bộ giáo viên, nhân viên.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định, được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, đồ dùng trang thiết bị, văn phòng phẩm để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Được bồi dưỡng nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật, được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, chế độ chính sách quy định đối với nhà giáo. Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được tạo điều kiện tham quan học tập kinh nghiệm các trường trong thị xã.

**3. Điểm yếu**

Trong công tác quản lý chưa có nhiều giải pháp đột phá để phát huy hết nội lực, tính năng động trong đội ngũ giáo viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Điều kiện, chế độ, thời gian làm việc của giáo viên chưa được cải thiện nhiều, còn chịu nhiều áp lực về công việc và thời gian.

Nguồn kinh phí để chi phúc lợi, khen thưởng, động viên, tạo động lực tích cực bồi dưỡng, phát huy năng lực cá nhân cho giáo viên còn hạn chế.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện** (phối hợp/ giám sát) | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Tích cực phát huy vai trò chủ động, tính sáng tạo của đội ngũ giáo viên. Thúc đẩy tôn vinh những nhân tố tích cực kịp thời và nhân rộng. | CBQL | Không | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Xây dựng môi trường tạo động lực, phát triển chăm lo cho đội ngũ giáo viên. Tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, thoái mái, nhẹ nhàng nguyên tắc nhưng hiệu quả. Cơ sở vật chất đầy đủ, chế độ chính sách, khen thưởng kịp thời. | CBQL, Công đoàn trường | Không | Giai đoạn 2024-2027 | Không |
| Cân đối nguồn tài chính của đơn vị để trích lập quĩ phúc lợi và quĩ khen thưởng để cải thiện chăm lo đời sống cho CBGVNV. | Hiệu trưởng, kế toán | Tiết kiện từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường | Giai đoạn 2024-2027 | 300.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

***Mức 1:***

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

***Mức 2:***

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của BGD&ĐT, SGD&ĐT Quảng Ninh, PGD&ĐT Quảng Yên, căn cứ Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ; khả năng của giáo viên; điều kiện, văn hoá xã hội và môi trường tự nhiên của địa phương; điều kiện thực tế của nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, trực tiếp là Cán bộ quản lý và có sự tham gia ý kiến xây dựng của giáo viên. Trên cơ sở căn cứ kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên xây dựng các kế hoạch giáo dục cho nhóm, lớp cụ thể: Kế hoạch giáo dục năm; kế hoạch giáo dục giáo dục chủ đề; kế hoạch giáo dục tuần; kế hoạch giáo dục ngày đảm bảo phù hợp với khả năng, nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhóm, lớp và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ theo quy định **[H8-1.8-01].**

b) Hàng năm, trên cơ sở bám sát Chương trình GDMN do Bô Giáo dục và Đào tạo ban hành và khung thời gian năm học do UBND tỉnh Quảng Ninh quy định. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cho các độ tuổi từ Nhà trẻ đến mẫu giáo 3,4,5 tuổi là 35 tuần, được chia theo từng chủ đề của từng độ tuổi đảm bảo đầy đủ các nội dung trong Chương trình GDMN. Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường được cụ thể hoá thực hiện bằng các kế hoạch năm, tháng, tuần và ngày của giáo viên. Giáo viên chủ động, linh hoạt tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhóm, lớp theo đúng kế hoạch đã xây dựng. Kết quả đánh giá được báo cáo tại các buổi sinh hoạt chuyên môn của Tổ và hằng tháng trước cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường **[H8-1.8-02]; [H4-1.4-07]; [H8-1.8-03].**

c) Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của trường và của nhóm lớp thông qua các việc làm cụ thể như: Đánh giá trẻ cuối chủ đề, cuối giai đoạn, cuối độ tuổi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao của giáo viên, qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề. Từ đó có giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch hoạt động giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế của trẻ, của nhóm lớp, của nhà trường và của địa phương. Tuy nhiên trong công tác quản lý, chỉ đạo, bộ phận phụ trách chuyên môn đôi lúc còn chưa linh hoạt trong hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ em **[H1-1.1-02]; [H1-1.1-06].**

 **Mức 2:**

Hằng năm nhà trường đã triển khai các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: triển khai kịp thời những văn bản chỉ đạo của ngành, của các cấp tới từng tổ, cá nhân. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường. Định kì kiểm tra hồ sơ sổ sách của các bộ phận, của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Kiểm tra định kì hoặc đột xuất đối với các hoạt động chăm sóc, giáo dục trong nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường được Phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên đánh giá: Có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học bám sát với tình hình thực tế của nhà trường và được triển khai xuống các tổ chuyên môn và giáo viên thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả. Công tác kiểm tra nội bộ của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của đơn vị, có nhận xét, đánh giá và kết luận sau mỗi cuộc kiểm tra. Kỷ cương nề nếp được chấn chỉnh có chuyển biến tốt trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường **[H8-1.8-01]; [H8-1.8-04]; [H1-1.1-02]; [H8-1.8-05].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đồng bộ từ Ban giám hiệu đến các tổ khối và giáo viên. Kế hoạch giáo dục của nhà trường bám sát chương trình Giáo dục mầm non và kế hoạch chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, chú trọng đổi mới hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục, định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Đồng thời nhà trường luôn có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

 **3. Điểm yếu**

Trong công tác quản lý, chỉ đạo bộ phận phụ trách chuyên môn đôi lúc còn chưa linh hoạt trong hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên rà soát, đánh giá cụ thể mức độ phù hợp của các mục tiêu, nội dung, hoạt động đối với từng kế hoạch giáo dục: chủ đề, tuần, ngày của nhóm, lớp để đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được trong công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Tiếp tục duy trì phát huy điểm mạnh trong công tác quản lý các hoạt động giáo dục | CBQL | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Xây dựng kế hoạch tập huấn cho đội ngũ giáo viên nâng cao kĩ năng xây dựng kế hoạch giáo dục và đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục. | CBQL | Không | Tháng 10/2023 | Không |
| Chỉ đạo cụ thể các tổ chuyên môn thường xuyên đưa nội dung rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục vào các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ để thảo luận đề xuất các nội dung cần điều chỉnh kế hoạch giáo dục, nhất là việc phát triển các mục tiêu một cách phù hợp đối với từng cá nhân trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. | CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục của giáo viên để tư vấn, hướng dẫn giáo viên thực hiện có hiệu quả. | CBQL, Tổ trưởng chuyên môn | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

***Mức 1:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

***Mức 2:***

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trên cơ sở căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/1/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 Nghị định của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 Thông tư hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGD&ĐT ngày 24/12/2015; Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngay từ đầu các năm học, nhà trường xây dựng dự thảo các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, trong đó có Quy chế dân chủ. Triển khai đến toàn bộ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động để mọi người hiểu và có trách nhiệm thực hiện. Các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến hoạt động của nhà trường được tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến thông qua Hội nghị cấp tổ, Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động. Tất cả ý kiến tham gia đóng góp đều được ghi lại trong biên bản họp lãnh đạo mở rộng và Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động cấp tổ, hội nghị trù bị và hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động hằng năm. Định kỳ theo năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động để thông qua báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ năm học trước phương hướng nhiệm vụ năm học mới của nhà trường, Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân. Công khai quyết toán tài chính năm trước và dự thảo cho năm sau đồng thời trực tiếp giải đáp các ý kiến đề xuất kiến nghị của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động tại Hội nghị. 100% nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo quyền dân chủ của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động trong hoạt động của nhà trường. Thông qua các buổi họp Hội đồng trường, sinh hoạt chuyên môn, Hiệu trưởng luôn lắng nghe ý kiến đóng góp cho các hoạt động giảng dạy, các vấn đề liên quan đến quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và kế hoạch phát triển, qua đó vừa phát huy quyền làm chủ của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, vừa huy động được tổng lực trí tuệ trong toàn trường để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Đồng thời thực hiện tốt nguyện vọng chính đáng của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và ngăn ngừa được những sai phạm, tiêu cực. nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động sẽ kiểm tra giám sát mọi hoạt động của nhà trường qua tổ chức Công đoàn, ban thanh tra nhân dân, trên cơ sở quy chế phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn cơ sở. Hàng năm nhà trường báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai trong nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, các báo cáo sơ kết, tổng kết, tất cả đều được công khai minh bạch. Tuy nhiên việc phát huy tính dân chủ trong việc đóng góp ý kiến để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, quy chế hoạt động của nhà trường còn hạn chế. Chủ yếu mới chỉ tập trung vào các vấn đề liên quan đến quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động **[H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].**

b) Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được nhà trường quan tâm thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân, luôn tạo điều kiện thuận lợi để công dân tham gia ý kiến với nhà trường. Có phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ trách tiếp nhận các thông tin, kiến nghị, phản ánh, góp ý của cha mẹ học sinh, của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Lãnh đạo nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể và Ban liên lạc cha mẹ học sinh giải quyết những thắc mắc một cách hài hoà, triệt để, đúng pháp luật. Trong 5 năm qua nhà trường không có đơn khiếu nại gửi về trường cũng như gửi thư vượt cấp. Để thực hiện có hiệu quả về quy chế dân chủ, nhà trường thường xuyên đánh giá theo tháng, quý và kết quả cuối năm đều được thể hiện trong báo tổng kết của Công đoàn nhà trường **[H9-1.9-03]; [H9-1.9-04];**

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ vào thời điểm cuối mỗi năm học. Thông qua báo cáo để đánh giá những kết quả đạt được, những ưu điểm, tồn tại hạn chế để từ đó xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm học tiếp theo. Trong báo cáo thể hiện rõ việc thực hiện các nội dung dân chủ như: Việc chấp hành quy chế hội họp, việc triển khai các kế hoạch của nhà trường, công tác công khai; Công tác chính trị tư tưởng và đạo đức tác phong và thực hiện pháp luật; đánh giá xếp loại nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động; công tác thi đua khen thưởng; công khai việc thực hiện các chế độ, quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động; công khai tài chính **[H9-1.9-05]; [H9-1.9-06].**

 **Mức 2:**

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, cụ thể: Ban TTND thực hiện nhiệm vụ giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường; giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thu chi tài chính, chi tiêu nội bộ, quản lý tài chính, tài sản, có báo cáo kết quả giám sát trước hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động vào đầu mỗi năm học. Hội đồng trường giám sát và có biên bản giám sát đầy đủ rõ ràng về việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động trong trường nêu cao tinh thần trách nhiệm, giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của nhà trường. Hằng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo Thông tư 36/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai thu, chi tài chính. Thực hiện công khai vào đầu mỗi năm học, tháng 9 và cuối năm học, tháng 6. Công khai trên trang thông tin điện tử của trường và dán niêm yết tại bảng tuyên truyền của nhà trường. Tuy nhiên hằng năm nhà trường chưa tự kiểm tra công tác thực hiện dân chủ của nhà trường **[H9-1.9-07]; [H9-1.9-05]; [H1-1.1-06]; [H4-1.4-10];** **[H9-1.9-06];** **[H3-1.3-01]; [H1-1.1-04]; [H8-1.8-05].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác dân chủ, lấy ý kiến rộng rãi trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động đã xây dựng được hệ thống quy chế luôn cập nhật kịp thời các quy định mới, khả thi trong thực hiện và không phát sinh bất cập, trái quy định phải điều chỉnh. Có nhiều đổi mới trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ như: Ứng dụng CNTT, thành lập các nhóm Zalo, Facebook của tổ chuyên môn, trường, Hội cha mẹ trẻ em của trường, của nhóm, lớp trong việc lấy ý kiến. Từ đó đã phát huy được quyền làm chủ và tiềm năng trí tuệ của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và phụ huynh, góp phần xây dựng tốt hơn nề nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

 **3. Điểm yếu**

Việc phát huy tính dân chủ trong đóng góp ý kiến để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, quy chế hoạt động của nhà trường còn hạn chế. Hằng năm nhà trường chưa tự kiểm tra việc thực hiện công tác dân chủ trong nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được trong thực hiện quy chế dân chủ, đoàn kết nội bộ trong nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục duy trì phát huy điểm mạnh trong thực hiện quy chế dân chủ, đoàn kết nội bộ trong nhà trường. | CBQL,GV,NV | Không | Giai đoạn 2023-2027  | Không |
| Tập trung tuyên truyền nâng cao hiểu biết về pháp luật và những quy định về dân chủ; các văn bản quy phạm liên quan đến GDMN….để tăng cường sự hiểu biết; xây dựng được tinh thần dân chủ trong nhà trường. | Hiệu trưởng, Công đoàn trường | Các văn bản liên quan | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tiến hành nội dung tự kiểm tra việc thực hiện dân chủ trong nhà trường hằng năm. | Đoàn kiểm tra nội bộ nhà trường | Ban hành các văn bản kiểm tra | Giai đoạn 2023-2027 | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

***Mức 1:***

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

***Mức 2:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch và phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự; an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Nhà trường phối hợp với Công an phường Đông Mai về đảm bảo an toàn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tai nạn thương tích, phòng cháy, chữa cháy. Phối hợp với trạm y tế phường trong công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống dịch Covid-19 và các phương án xử trí khi có các trường hợp mắc Covi-19, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho trẻ trong nhà trường 2 lần/năm học.

Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm của phòng Y tế thị xã Quảng Yên, đảm bảo đầy đủ các hồ sơ pháp lý liên quan đến công tác tổ chức bếp ăn bán trú: giấy khám sức khỏe, hợp đồng cung cấp thực phẩm với đơn vị cung cấp nguyên liệu, thực phẩm, hợp đồng cung cấp nước ăn uống sinh hoạt; sổ kiểm thực 3 bước. Trong 05 năm qua, không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm tại trường **[H10-1.10-01]; [H10-1.10-02]; [H10-1.10-03]; [H10-1.10-04]; [H10-1.10-05]; [H10-1.10-06]; [H10-1.10-07].**

b) Nhà trường có hộp thư góp ý và số điện thoại đường dây nóng đặt tại cổng trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh từ cha mẹ trẻ em và người dân. Trên cơ sở những kế hoạch, phương án, quy chế cụ thể, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan công an, chính quyền địa phương nên cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong những năm qua được đảm bảo an toàn tuyệt đối. Được cơ quan công an, chính quyền địa phương đánh giá cao **[H10-1.10-08].**

c) Nhà trường luôn triển khai, quán triệt kịp thời tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên các quy định về phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường, các quy tắc ứng xử lên tính đến thời điểm tự đánh giá. Trong những năm qua, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có hành vi bạo lực trong trường học, không vi phạm pháp luật, được cấp trên ra quyết định công nhận trường đạt tiêu chuẩn an ninh trật tự; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trường học **[H10-1.10-9]; [H1-1.1-02].**

**Mức 2:**

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trường mầm non Đông Mai được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ, an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, các buổi sinh hoạt chuyên môn, qua hệ thống bảng tuyên truyền, phát tài liệu cho giáo viên. Chỉ đạo lồng ghép kiến thức, kĩ năng vệ sinh an toàn thực phẩm, kĩ năng phòng, chống tai nạn thương tích vào các hoạt động giáo dục kĩ năng sống và các hoạt động giáo dục cho trẻ. Thường xuyên khảo sát các nguy cơ gây tai nạn thương tích, loại bỏ hoặc sửa chữa những thiết bị, đồ dùng, đồ chơi không an toàn. Giáo dục trẻ biết cách phòng tránh các tai nạn thương tích, không để xảy ra mất an toàn đối với trẻ. Các phòng học, phòng sinh hoạt của học sinh; bảng điện đặt cao hơn tầm tay trẻ với, cửa sổ, lan can đều có chắn song bảo vệ theo đúng yêu cầu quy định trong Điều lệ trường mầm non. Khu vực bếp nấu ăn, phòng kho thực phẩm, được bảo quản theo đúng quy định, có tủ lưu mẫu thức ăn. Tổ chức phun thuốc diệt côn trùng 2 lần/năm, lau sàn nhà bằng dung dịch Cloramin B khi phát hiện có dịch; vệ sinh sạch sẽ nhóm lớp, đồ dùng, đồ chơi. Theo dõi và cách ly những trẻ mắc bệnh như thuỷ đậu, quai bị, có kế hoạch phòng chống như bệnh tay chân miệng. Nhân viên y tế có kế hoạch phối hợp với trạm y tế trong công tác phòng chống dịch. Thực hiện nghiêm túc các quy định phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong thời gian có dịch. Tuy nhiên kĩ năng thực hành và cập nhật thông tin kiến thức về phòng chống cháy nổ của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế **[H10-1.10-12].** **[H1-1.1-06].**

b) Qua các kênh thông tin của địa phương, nhân dân, phụ huynh, đường dây nóng, hộp thư góp ý, nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong những năm gần đây nhà trường không để xảy ra các phản ánh liên quan đến bạo lực học đường và mất an toàn trường học **[H10-1.10-10]; [H10-1.10-11]; [H1-1.1-02].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai kịp thời, đồng bộ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. Chủ động phối kết hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để có các giải pháp hữu hiệu trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và là nơi phụ huynh yên tâm gửi gắm con đến trường, lớp học.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường luôn đảm bảo tốt. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ, không có các tệ nạn xã hội, mất an ninh trật tự trong trường học. Trong nhiều năm qua, nhà trường không để xảy ra hiện tượng cháy nổ, mất an toàn an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh, bạo lực học đường trong đơn vị. Hằng năm, nhà trường đều được cấp giấy chứng nhận trường học an toàn về an ninh trật tự và an toàn phòng, chống tai nạn thương tích.

 **3. Điểm yếu**

Kĩ năng thực hành và cập nhật thông tin kiến thức về phòng chống cháy nổ của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Tiếp tục duy trì kết quả và phát huy điểm mạnh trong thực hiện các quy định đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Phối hợp với cơ quan Công an phòng cháy chữa cháy thị xã Quảng yên để tập huấn kiến thức, kĩ năng phòng cháy, chữa cháy cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Lãnh đạo nhà trường, Công an phòng cháy chữa cháy thị xã Quảng Yên | Các văn bản hướng dẫn; thiết bị PCCC, địa điểm | Giai đoạn 2023-2027  | 20.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Phương hướng, chiến lược của nhà trường được phòng GD&ĐT thị xã phê duyệt và được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và Website của nhà trường.

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng, Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM được thành lập có cơ cấu tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non, các hoạt động của Chi bộ Đảng, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM có đóng góp hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Chi bộ Đảng trường mầm non Đông Mai có 05 năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Có cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý gồm 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định. Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và được tổ chức học 02 buổi trên ngày. Nhà trường quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định, đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ cho hoạt động giáo dục. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường phân công CBGVNV rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên đánh giá đạt hiệu quả. Trong các năm gần đây, nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, các kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

Có đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên được thực hiện tốt.

Nhà trường luôn bám sát các nội dung chỉ đạo của ngành, kiểm tra, rà soát nội dung của các tiêu chuẩn, có kế hoạch cải tiến chất lượng thường xuyên như đổi mới công tác quản lý chỉ đạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, thực hiện tốt qui chế dân chủ, công khai tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

 Bên cạnh những mặt mạnh vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong năm học tiếp theo:

Việc công bố, công khai phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường

chưa được rộng rãi và chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường. Việc giám sát xây dựng phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường của Hội đồng trường đôi khi chưa kịp thời, chưa sát sao.

Một số hoạt động của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên hiệu quả chưa cao. Kinh phí dành cho các hoạt động còn hạn hẹp. Nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa phong phú, chưa phát huy được những sáng kiến đổi mới trong giảng dạy. Chưa có nhiều giải pháp đột phá trong công tác bồi dưỡng giáo viên.

Định biên số trẻ/nhóm, lớp không đồng đều, cụ thể: số trẻ/nhóm, lớp ở 2 điểm trường lẻ thấp hơn số trẻ/nhóm, lớp ở điểm trường trung tâm. Một số nhóm, lớp tại điểm trường trung tâm có số trẻ vượt quá quy định: Nhà trẻ trung bình từ 2 đến 5 trẻ; mẫu giáo trung bình từ 2 đến 7 trẻ. Nguyên nhân do điểm trường trung tâm nằm trên địa bàn đông dân cư, 2 điểm trường lẻ cách xa trung tâm, do vậy khó khăn trong việc bố trí số trẻ/nhóm, lớp được cân đối, đồng đều.

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Một số nội dung triển khai trong kế hoạch ngắn hạn của nhà trường chưa đạt được hiệu quả như mong đợi, chưa phát huy hết năng lực của nhà trường, của địa phương. Nhà trường chưa thực hiện triển khai được việc ứng dụng phần mềm (EMIS Khoản thu) trong thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Trong công tác quản lý chưa có nhiều giải pháp đột phá để phát huy hết nội lực, tính năng động trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Nguồn kinh phí để chi phúc lợi, khen thưởng, động viên, tạo động lực tích cực bồi dưỡng, phát huy năng lực cá nhân cho giáo viên còn hạn chế. Kĩ năng thực hành và cập nhật thông tin kiến thức về phòng chống cháy nổ của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

Kết quả đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10= 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/5 = 80%.

##### Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

###### Mở đầu:

Trường Mầm non Đông Mai đảm bảo về số lượng giáo viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các đồng chí CBQL nhà trường đều có trình độ Đại học, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, kinh nghiệm, nghiệp vụ chuyên môn để điều hành chỉ đạo các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên được đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn của nhà trường đạt 69,6% (theo Luật giáo dục năm 2019), 100% số nhân viên đạt trình độ chuẩn trở lên.

Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được bố trí công việc phù hợp với năng lực, sở trường nên phát huy tối đa khả năng lao động và sức sáng tạo của mỗi người. Đội ngũ giáo viên tích cực, nhiệt tình, có ý thức học hỏi, rèn luyện và tâm huyết với công việc, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ GD&ĐT; thực hiện nghiêm túc việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên là một khối đoàn kết, lao động miệt mài, sáng tạo, cống hiến hết mình vì sự nghiệp giáo dục nhà trường, vì học sinh thân yêu, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh và nhân dân địa phương. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đánh giá, xếp loại hàng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

###### Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

***Mức 1:***

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

***Mức 2:***

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

***Mức 3:***

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng quy trình, quy định. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều có trình độ trên chuẩn bằng Đại học GDMN, có đủ năng lực lãnh đạo, quản lý, triển khai các hoạt động chăm sóc giáo dục trong nhà trường, đã tham gia lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ và có chứng chỉ quản lý giáo dục và bằng Trung cấp lý luận chính trị. Cụ thể:

- Đồng chí Bùi Thị Quý, Hiệu trưởng, vào ngành năm 1992, đã có 31 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường mầm non Đông Mai từ tháng 02/2016 theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 04/02/2016, đến tháng 8/2021 đồng chí được điều động về làm Hiệu trưởng trường mầm non Yên Giang.

- Đồng chí Phạm Thị Hiên, Hiệu trưởng, vào ngành năm 2004 đã có 19 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường mầm non Minh Thành từ tháng 08/2015 theo Quyết định số 4023/ QĐ-UBND ngày 07/8/2015, đến tháng 8/2021 đồng chí được điều động về làm Hiệu trưởng trường mầm non Đông Mai theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 04/8/2021.

- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Nhân, Phó hiệu trưởng, vào ngành năm 1992, đã có 31 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng trường mầm non Minh Thành từ tháng 08/2015 theo Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 10/01/2008, đến tháng 8/2018 đồng chí được điều động về làm Phó Hiệu trưởng trường mầm non Đông Mai theo Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 20/7/2018.

- Đồng chí Nguyễn Thị Lý, Phó hiệu trưởng, vào ngành từ tháng 9/2006, đã có 17 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường MN Đông Mai từ tháng 8/2010 theo Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 16/8/2010, đến tháng 8/2020 đồng chí được điều động về làm Phó Hiệu trưởng trường mầm non Minh Thành.

- Đồng chí Phạm Thị Cải, Phó hiệu trưởng, vào ngành từ tháng 9/2000, đã có 23 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường mầm non Minh Thành từ tháng 8/2010 theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/8/2010, Đến tháng 8/2020 đồng chí được điều động về làm Phó Hiệu trưởng trường mầm non Đông Mai theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 **[H7-1.7-03].**

b) Đội ngũ quản lý nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong công tác giáo dục mầm non. Hằng năm, nhà trường thực hiện quy trình đánh giá cán bộ quản lý xếp loại Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong 05 năm, từ năm 2018 đến 2023, Cán bộ quản lý của nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng chí Hiệu trưởng liên tục trong các năm gần đây được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên đánh giá đạt loại Tốt theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non. Các đồng chí Phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá và Tốt. Hàng năm các đồng chí cán bộ qua lý đều được tín nhiệm của hội đồng sư phạm và được UBND thị xã Quảng Yên xếp loại viên chức Hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Kết quả đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Năm học 2018- 2019**(tự đánh giá) | **Năm học 2019- 2020** | **Năm học 2020- 2021**(tự đánh giá) | **Năm học 2021- 2022** | **Năm học 2022- 2023**(tự đánh giá) |
| 1 | Bùi Thị Quý | HT | Khá | Khá | Tốt |  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Lý | PHT | Tốt | Tốt | Tốt |  |  |
| 3 | Nguyễn.T.Thanh Nhân | PHT | Khá | Khá | Tốt | Khá | Khá |
| 4 | Phạm Thị Cải | PHT | Khá | Khá | Tốt | Khá | Khá |
| 5 | Phạm Thị Hiên | HT | Khá | Tốt | Khá | Tốt | Khá |

Với sự nhiệt tình, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tận tâm với nghề và những hiệu quả đạt được trong công tác quản lý giáo dục nên trong những năm qua, các đồng chí đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên **[H7-1.7-03]; [H11-2.1.01].**

c) Hằng năm các đồng chí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã tích cực tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục: Các nội dung bồi dưỡng về phát triển GDMN của địa phương, thực hiện chương trình GDMN, đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Bồi dưỡng phát triển năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kĩ năng chuyên ngành, do Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ninh triển khai. Năm 2022 các đồng chí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được tham gia và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương, do trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ thực hiện. Bên cạnh đó các đồng chí còn thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn, đặc biệt là năng lực sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. **[H11-2.1-03]; [H11-2.1-04]; [H1-1.1-01].**

 **Mức 2:**

a) Trong 5 năm liên tiếp tính từ năm học 2018- 2019 đến thời điểm đánh giá, đồng chí Phạm Thị Hiên, Hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá 02 năm đạt chuẩn ở mức tốt, 03 năm đồng chí tự đánh giá đạt chuẩn ở mức khá; đồng chí Nguyễn Thị Thanh Nhân, phó hiệu trưởng có 01 năm đạt chuẩn ở mức Tốt, 03 năm đạt chuẩn ở mức khá; đồng chí Phạm Thị Cải 04 năm được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá và 01 năm được đánh giá đạt mức Tốt theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thể hiện trên kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm **[H7-1.7-03]; [H11-2.1-01].**

b) Hằng năm các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều tham dự các lớp bồi dưỡng chính trị, tham dự các buổi học Nghị quyết do Đảng uỷ phường Đông Mai, Thị uỷ thị xã Quảng Yên tổ chức. Các đồng chí đều là những cán bộ đảng viên gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt. Hằng năm vào cuối năm học, tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường đã tham gia đánh giá nhận xét Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm, kết quả thể hiện các đồng chí đều được giáo viên nhân viên trong trường tín nhiệm. Tuy nhiên trong công tác quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo. Việc tiếp cận với các phương pháp tiên tiến trên thế giới vào việc chỉ đạo đội ngũ phát triển chương trình GDMN còn chậm **[H11-2.1-04]; [H11-2.1-05]; [H11-2.1-06]; [H11-2.1-07].**

 **Mức 3:**

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2018-2019 tính đến thời điểm đánh giá, đồng chí Hiệu trưởng và 02 đồng chí phó hiệu trưởng đều được đánh giá theo quy định và đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó đồng chí Hiệu trưởng có 02 năm đạt chuẩn ở Mức tốt; 02 đồng chí phó hiệu trưởng có 01 năm đạt chuẩn ở mức Tốt, thể hiện kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm và các hình thức khen thưởng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm. Đồng chí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được khen thưởng các danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo **[H7-1.7-03]; [H11-2.1-01]; [H11-2.1-02];.**

 **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đủ Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng, 3/3 đồng chí CBQL nhà trường đều có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn, các đồng chí đã có bằng tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị, đã qua lớp bồi dưỡng CBQL, đã có thời gian trực tiếp giảng dạy nên thuận lợi cho công tác chỉ đạo chuyên môn của nhà trường. Các đồng chí có đủ năng lực để lãnh đạo, quản lý nhà trường. Đồng chí Hiệu trưởng có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, nhiệt tình, tâm huyết với công việc, các đồng chí Phó hiệu trưởng chuyên môn vững vàng, năng động, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao trong mỗi công việc được giao, do vậy chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng cao. Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng các năm học đều đạt từ mức Khá trở lên.

 **3. Điểm yếu**

Trong công tác quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo.

Việc tiếp cận với các phương pháp tiên tiến trên thế giới vào việc chỉ đạo đội ngũ phát triển chương trình GDMN còn chậm.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục duy trì việc học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đầy đủ nghiêm túc các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức. Tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng thông qua mạng Intenet | CBQL | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tiếp tục nghiên cứu tham khảo và tìm ra những biện pháp để áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến vào việc phát triển chương trình GDMN góp phần xây dựng nhà trường trở thành cơ sở giáo dục uy tín, có chất lượng. | CBQL | Tài liệu tham khảo, Intenet  | Giai đoạn 2023-2027  | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

***Mức 1:***

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

***Mức 2:***

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

***Mức 3:***

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. Hằng năm nhà trường sắp xếp, bố trí nhiệm vụ phù hợp với điều kiện, năng lực, trình độ chuyên môn và vị trí việc làm. Năm học 2022-2023, nhà trường có 33 giáo viên, các giáo viên được phân công trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ ở 18 nhóm/lớp (4 nhóm trẻ và 14 lớp mẫu giáo), trong đó giáo viên dạy nhóm trẻ 8, tỉ lệ 2,0 giáo viên/nhóm; 25 giáo viên dạy mẫu giáo, tỉ lệ 1,8 giáo viên/lớp đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ **[H7-1.7-03]; [H7-1.7-04].** Cụ thể các năm như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số lớp** | **Số giáo viên** |
| **Nhà trẻ** | **Mẫu giáo** | **Tổng số** | **Nhà trẻ** | **Mẫu giáo** |
| 2018- 2019 | 4 | 15 | 37 | 10 | 27 |
| 2019- 2020 | 4 | 14 | 35 | 9 | 26 |
| 2020- 2021 | 4 | 14 | 34 | 8 | 26 |
| 2021- 2022 | 4 | 14 | 35 | 8 | 27 |
| 2022- 2023 | 4 | 14 | 33 | 8 | 25 |

b) Năm học 2022-2023 trường có 33 giáo viên, trong đó có 23 giáo viên trình độ Đại học Giáo dục mầm non, 8 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non, 02 giáo viên trình độ Trung cấp Sư phạm mầm non. Theo Luật giáo dục số 43/2019 quy định trình độ chuẩn của giáo viên mầm non: Giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 31/33= 94,0%. Trong đó đạt trên chuẩn là 23/33 = 70%, đạt chuẩn là 08/33= 24%, (có 2 đồng chí trình độ cao đẳng đang theo học lớp đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ tháng 6/2023; chưa đạt chuẩn là 02/33= 6% (01 đồng chí đang theo học lớp đại học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ tháng 6/2022; 01 đồng chí do tuổi cao có nguyện vọng về nghỉ chế độ trước tuổi vào năm 2024) **[H12-2.2-01].**

c) Trong 5 năm liên tiếp tính từ năm học 2018- 2019 đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên. Năm học 2018-2019 có 94,5% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá; Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023 đều có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên và được thể hiện ở bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo viên hằng năm của nhà trường và trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường có nội dung về đánh giá, xếp loại giáo viên **[H12-2.2-02]; [H1-1.1-02].**

**Mức 2:**

a) Từ năm học 2018- 2019 nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Năm học 2019- 2020; 2020- 2021 nhà trường có 89% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên và 11% giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo. Tại thời điểm đánh giá số giáo viên đạt trên chuẩn là 23/33= 69,6%, đạt chuẩn là 08/33 = 24%, chưa đạt chuẩn là 2/33= 6% (01 đồng chí đang theo học lớp đại học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ). Hằng năm nhà trường có kế hoạch tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đươc duy trì ổn định và tăng dần từ 68,5% đến 69,6% **[H7-1.7-03]; [H12-2.2-01]; [H12-2.2-03].**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số giáo viên** | **Đạt trình độ chuẩn** | **Đạt trình độ trên chuẩn** | **Chưa đạt trình độ chuẩn** | Ghi chú |
| 2018 - 2019 | **37** | 4 | 33 | 0 | Trung cấp: 04 Cao đẳng: 08 Đại học: 25 |
| 2019 - 2020 | **35** | 7 | 24 | 4 | Trung cấp: 03 Cao đẳng: 07 Đại học: 25 |
| 2020 - 2021 | **34** | 7 | 23 | 4 | Trung cấp: 03 Cao đẳng: 07 Đại học: 24 |
| 2021 - 2022 | **35** | 8 | 24 | 3 | Trung cấp: 03 Cao đẳng: 08 Đại học: 24 |
| 2022 - 2023 | **33** | 8 | 23 | 2 | Trung cấp: 02 Cao đẳng: 08 Đại học: 23 |

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường mầm non Đông Mai có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên, trong đó hằng năm có từ 94,5% -> 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên. Được thể hiện trong bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm. Trong 05 năm qua, các đồng chí giáo viên nhà trường đã tích cực tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp và tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm. Hằng năm tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường đều đạt 100%, có từ 13 đến 19 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp thị xã, có 01 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh. Các đồng chí giáo viên giỏi từ cấp trường trở lên đều có báo cáo sáng kiến kinh nghiệm được công nhận từ cấp trường đến cấp thị xã và cấp tỉnh. Tuy nhiên chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, số lượng giáo viên cốt cán còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và khả năng của nhà trường **[H12-2.2-03]; [H1-1.1-02].**

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H1-1.1-02].**

**Mức 3:**

a) Tỷ lệ giáo viên trong nhà trường đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 69,6% **[H7-1.7-03]; [H12-2.2-01].**

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có từ 94,5% đến 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá, trong đó có 12% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức tốt **[H12-2.2-03]; [H1-1.1-02].**

**Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số GV đánh giá** | **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 2018-2019 | 37 | 0 | 0% | 35 | 94,5% | 2 | 5,4 % | 0 | 0 |
| 2019-2020 | 34 | 2 | 6% | 32 | 94% | 0 | 0 % | 0 | 0 |
| 2020-2021 | 34 | 0 | % | 34 | 100% | 0 | 0 % | 0 | 0 |
| 2021-2022 | 34 | 4 | 11,7% | 30 | 98,3% | 0 | 0% | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 33 | 4 | 12% | 29 | 98% | 0 | 0% | 0 | 0 |

**Kết quả xếp loại viên chức:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số GV xếp loại** | **HTXSNV** | **HTTNV** | **HTNV** | **KHTNV** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 2018-2019 | 36 | 13 | 44,4% | 24 | 66,6% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2019-2020 | 34 | 10 | 29,4% | 22 | 64,7% | 2 | 5,9 % | 0 | 0 |
| 2020-2021 | 34 | 13 | 38,3% | 21 | 61,7% | 0 | 0 % | 0 | 0 |
| 2021-2022 | 34 | 15 | 44,1% | 19 | 55,9% | 0 | 0% | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 33 | 14 | 42,4% | 18 | 54,5% | 0 | 0% | 1 | 3,0 |

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, đảm bảo về cơ cấu để thực hiện Chương trình GDMN, có 69,6% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, yêu nghề, mến trẻ luôn là tấm gương sáng cho trẻ noi theo. Các đồng chí giáo viên được bố trí công việc đúng với trình độ năng lực và điều kiện hoàn cảnh gia đình. Mỗi giáo viên với tinh thần không ngừng học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, luôn đặt mục tiêu chất lượng giáo dục lên hàng đầu.

Hằng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tỷ lệ giáo viên được xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm luôn đạt 94,5% đến 100%.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu**

Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, số lượng giáo viên cốt cán còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và khả năng của nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở Mức tốt tỷ lệ chưa cao. Vẫn còn 02 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát đội ngũ giáo viên.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(nếu có)** | **Nguồn kinh phí (nếu có)** |
| Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo trình độ chuẩn theo quy định tại Luật giáo dục số 43/2019. | CBQL, Giáo viên | Thời gian, kinh phí | Giai đoạn 2023-2025  |  | Giáo viên tự túc |
| Động viên, khuyến khích những giáo viên có trình độ đạt chuẩn đi học ĐHGDMN để nâng cao trình độ chuyên môn. | CBQL, Giáo viên | Thời gian, kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 |  | Giáo viên tự túc |
| Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên: Bồi dưỡng đảm bảo nâng dần tỷ lệ cân đối đồng đều năng lực chuyên môn của đội ngũ; tăng số lượng đội ngũ giáo viên cốt cán và giáo viên được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt. | CBQL, Giáo viên | Xây dựng kế hoạch BDGV  | Giai đoạn 2023-2027 | Không |  |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

***Mức 1:***

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

***Mức 2:***

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

***Mức 3:***

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có 02 nhân viên làm công tác y tế, kế toán theo thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 về Quy định danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Có quyết định điều động viên chức kế toán kiêm văn thư, y tế trường học kiêm thủ quỹ **[H7-1.7-03]; [H13-2.3-01].**

b) Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường Mầm non: Kế toán kiêm nhiệm văn thư, thực hiện thu chi và báo cáo tài chính - nhận và lưu trữ công văn;  Nhân viên y tế  theo dõi và chăm sóc sức khoẻ cho CBGVNV và trẻ, kiểm tra giám sát VSATTP bếp ăn bán trú và thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm của thủ quĩ;  Cô nuôi nấu ăn cho CBGVNV và trẻ; Bảo vệ trông giữ tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường. Nhân viên được học bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định, hàng năm nhân viên được đánh giá xếp loại thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của ngành **[H7-1.7-04].**

c) Đội ngũ nhân viên trong trường có tinh thần, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện quy chế chuyên môn nghề nghiệp và chấp hành nội quy của nhà trường. Đội ngũ nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, kết quả được đánh giá trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường và có hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên hăng năm **[H13-2.3-02]; [H1-1.1-02].**

 **Mức 2:**

a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định. Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm **[H7-1.7-03]; [H13-2.3-01]; [H7-1.7-04].**

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H1-1.1-02]; [H13-2.3-02].**

**Mức 3:**

a) Các nhân viên của nhà trường đều đạt trình độ chuẩn, được đào tạo theo quy định, cụ thể: Nhân viên y tế học đường có trình độ Cao đẳng và kế toán có trình độ Đại học tài chính theo đúng chuyên môn. Nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn. Nhân viên bảo vệ và các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo công việc được giao. Tuy nhiên có 01 đồng chí nhân viên y tế trình độ Cao đẳng Điều dưỡng chưa đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định **[H7-1.7-03]; [H13-2.3-01].**

b) Hằng năm các nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công **[H13-2.3- 03]; [H13-2.3-04]; [H13-2.3-05]; [H1-1.1-02].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có số lượng cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định. Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Các nhân viên được phân công nhiệm vụ theo đúng trình độ đào tạo và năng lực, phù hợp với vị trí việc làm. Các nhân viên của nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên của nhà trường nhiệt tình trong công việc, có nhận thức tốt.

Hằng năm các đồng chí nhân viên được học tập, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm, nhà trường luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và làm việc đạt kết quả.

**3. Điểm yếu**

- Nhân viên nhân viên y tế trình độ Cao đẳng Điều dưỡng chưa đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định.

 - Nhân viên kế toán của nhà trường kiêm nhiệm văn thư hành chính, nhân viên Y tế kiêm thủ quỹ, do vậy chuyên môn công tác kiêm nhiệm còn hạn chế, chưa mạnh dạn đưa ra các giải pháp sáng tạo trong công việc, đôi khi một số công việc còn bị chồng chéo, dẫn đến hiệu quả một số công việc chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** | **Nguồn kinh phí (nếu có)** |
| Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức. | CBQL, Nhân viên | Thời gian, kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | 10.000.000 | Ngân sách |
| Tạo điều kiện cho nhân viên y tế đi học đảm bảo đạt trình độ chuyên môn theo vị trí việc làm | CBQL, Nhân viên | Thời gian, kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 |  | Tự túc |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tương đối đồng đều về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển nhà trường. Tập thể nhà trường xây dựng thành một khối đoàn kết thống nhất. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có phẩm chất đạo đức tốt, làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao tay nghề và năng lực công tác, được phụ huynh tin yêu. Hằng năm, nhà trường đều có cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường đạt giáo viên giỏi, lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, giấy khen SGD&ĐT. Hằng năm có từ 95% ->100% giáo viên được xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong 5 năm qua không có giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không vi phạm đạo đức nhà giáo, thực hiện công việc đáp ứng được yêu cầu về vị trí việc làm được giao.

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn là Đại học sư phạm chuyên ngành GDMN, có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, bằng trung cấp lý luận Chính trị và các chứng chỉ khác. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng thường xuyên được bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường. Hằng năm đều được xếp loại khá và tốt theo đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, được đồng nghiệp và nhân dân tín nhiệm.

Trong 5 năm qua, nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không vi phạm đạo đức nhà giáo, thực hiện công việc đáp ứng được yêu cầu về vị trí việc làm được giao.

Tuy nhiên còn một số hạn chế như:

Trong công tác quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo. Việc tiếp cận với các phương pháp tiên tiến trên thế giới vào việc chỉ đạo đội ngũ phát triển chương trình GDMN còn chậm.

Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, số lượng giáo viên cốt cán còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và khả năng của nhà trường. Vẫn còn 02 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở Mức tốt tỷ lệ chưa cao.

Nhân viên nhân viên y tế trình độ Cao đẳng Điều dưỡng chưa đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định. Nhân viên kiêm nhiệm công tác nên còn hạn chế, đôi khi một số công việc còn bị chồng chéo, dẫn đến hiệu quả một số công việc chưa cao.

Kết quả đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3= 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 3/3 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 1/3 = 33,3%.

##### Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

###### Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị là nền tảng, cơ sở quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục, chính vì thế hàng năm ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa giáo dục do phụ huynh đóng góp, ủng hộ, đầu tư kinh phí xây dựng, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học của cô và trẻ. Cụ thể, trường có 03 điểm trường, với tổng diện tích khuôn viên đất là 5.654.2 m2, trong đó diện tích xây dựng công trình của trường là 2.285,50 m2; diện tích sân vườn là 3.368,5 m2, có đủ phòng học xây dựng kiên cố, cao tầng khang trang, các lớp học được trang bị đầy đủ: Bàn ghế,tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. Khu hiệu bộ, các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng phục vụ công tác quản lý: Máy tính, máy chiếu, máy in, hệ thống âm thanh, tủ thuốc. Bếp ăn, nhà để xe, nhà vệ sinh cho giáo viên, cho học sinh sạch sẽ. Sân chơi rộng rãi thoáng mát, có đủ các loại đồ chơi ngoài trời, hệ thống cây xanh, môi trường gần gũi thân thiện với trẻ. Nguồn kinh phí từ ngân sách, quỹ huy động ủng hộ của phụ huynh đều minh bạch, công khai, thu chi đúng mục đích, tiết kiệm, có quy chế rõ ràng được tập thể tham gia, giám sát. Mỗi năm học trôi qua, quang cảnh nhà trường ngày càng đẹp, sạch sẽ, khang trang và thân thiện hơn trong nhận xét của lãnh đạo địa phương và phụ huynh học sinh.

###### Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

***Mức 1:***

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

***Mức 2:***

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

***Mức 3:***

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trường Mầm non Đông Mai có 03 điểm trường, điểm trường Trung tâm nằm ở khu Biểu Nghi phường Đông Mai; 02 điểm trường lẻ nằm ở khu Hải Hoà và Thuận Thành. Điểm trường Trung tâm được xây dựng hoàn thiện vào năm 2014; điểm trường Hải Hoà được xây dựng hoàn thiện vào năm 2012; điểm trường Thuận Thành được xây dựng hoàn thiện vào năm 2009; Tổng diện tích khuôn viên đất toàn trường là 5.654.2 m2, trong đó diện tích sàn xây dựng là 3.847,5 m2. Diện tích khuôn viên đất bình quân tối thiểu 12,30 m2/trẻ **[H14-3.1-01]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

b) Trường có cổng, biển tên trường rõ ràng theo quy định, có hàng rào bao quanh chắc chắn; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Cảnh quan nhà trường khang trang sạch đẹp, hệ thống cây xanh bóng mát nhiều tạo cảnh quan thân thiện và được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường có nội dung liên quan đến đánh giá môi trường cảnh quan trường học [**H14-3.1-03]; [H1-1.1-02].**

c) Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang cho các nhóm, lớp. Trong sân trường trồng nhiều cây xanh và các chậu hoa, cây cảnh. Sân tập thể dục và tổ chức các hoạt động vui chơi được bố trí các thiết bị hỗ trợ phát triển vận động và hệ thống đu quay, cầu trượt cho trẻ chơi (Có 5 loại đồ chơi cấp phát). Các khu vực chơi được bố trí khoa học, sân chơi với đồ chơi ngoài trời có mái che cho tất cả trẻ sử dụng **[H14-3.1-03]; [H1-1.1-02].**

**Mức 2:**

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn theo quy định. Trong đó, tổng diện tích xây dựng công trình của trường là 2.285,50 m2 chiếm 40% tổng diện tích đất; diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi) là 3.368,5 m2 chiếm 59,5% tổng diện tích đất, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-03] ]; [H6-1.6-07].**

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi của nhóm, lớp. Có nhiều cây xanh, cây cảnh tạo bóng mát sân trường. Hằng ngày nhà trường có lao công thường xuyên quét dọn toàn bộ sân trường và hằng tuần tổng vệ sinh 1 lần theo kế hoạch của Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Cây được chăm sóc, cắt tỉa đẹp. Các giáo viên và trẻ thường xuyên trồng, chăm sóc vườn rau, cây và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, học tập.. vệ sinh sạch sẽ trong toàn bộ khuôn viên trường cho trẻ hoạt động vui chơi và học tập **[H14-3.1-02]; [H1-1.1-02]; [H14-3.1- 03];**

c) Khu vực trẻ chơi của cả 03 điểm trường đều có nhiều loại đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ như: đu quay, cầu trượt, bập bênh, xích đu, cầu kiều, nhà bóng …. , có rào chắn ngăn cách với đường dân sinh và ao hồ xung quanh. Thuy nhiên mái tôn sân chơi điểm trường khu trung tâm đã xuống cấp, han rỉ nhìn thiếu thẩm mĩ **[H6-1.6-04]; H14-3.1-04]; [H14-3.1-05]; [H1-1.1-02].**

 **Mức 3:**

Sân vườn của nhà trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hàng năm có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ. Tuy nhiên Đồ chơi ngoài trời chưa phong phú, một số đồ chơi ngoài trời ở 02 điểm trường lẻ do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp không còn thẩm mĩ **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-04]; [H14-3.1-06].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có khuôn viên bằng phẳng, có diện tích đất đảm bảo bình quân 12,30 m2/trẻ đảm bảo theo quy định, các công trình của nhà trường đều được xây dựng kiên cố. Trường có biển trường, có tường rào bao quanh chắc chắn, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người và tài sản. Diện tích sân chơi rộng được quy hoạch thiết kế phù hợp, an toàn, có hệ thống cây xanh, bóng mát, có thùng rác công cộng đảm bảo vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp.

Có khu vui chơi liên hoàn với đủ các loại đồ chơi vận động thông minh cho trẻ chơi, được quy hoạch, thiết kế, lắp ráp phù hợp đẹp mắt, đảm bảo yêu cầu, giúp trẻ khám phá, học tập, vui chơi an toàn.

**3. Điểm yếu**

- Đồ chơi ngoài trời chưa phong phú, một số đồ chơi ngoài trời ở 02 điểm trường lẻ do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp không còn thẩm mĩ. Hệ thống cây bóng điểm trường Thuận Thành còn hạn chế, do mới trồng.

- Mái tôn sân chơi điểm trường khu trung tâm đã xuống cấp, han rỉ nhìn thiếu thẩm mĩ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Tiếp tục trồng, chăm sóc cây xanh | Giáo viên, nhân viên, trẻ | Hiệu trưởng bố trí nguồn kinh phí | Tháng 2 hằng năm trồng cây- chăm sóc cây thường xuyên  | 5.000.000 |
| Bảo dưỡng, sửa chữa, đồ chơi ngoài trời | Phó HT phụ trách CSVC | Hiệu trưởng bố trí nguồn kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | 15.000.000 |
| Mua bổ sung đồ chơi ngoài trời thay thế một số đồ chơi cũ, hỏng. | Hiệu trưởng, kế toán | Tham mưu với Phòng Giáo dục và UBND thị xã cấp kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | 50.000.000 |
| Sửa thay thế mái tôn khu vui chơi điểm trường trung tâm |  | Tham mưu với Phòng giáo dục và UBND thị xã cấp kinh phí | Năm 2023-2024 | 100.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.

***Mức 1:***

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

***Mức 2:***

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

***Mức 3:***

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có 18 phòng học/18 nhóm, lớp; trong đó có 4 phòng học/4 nhóm trẻ; 14 phòng học/14 lớp mẫu giáo đảm bảo tỷ lệ 1 phòng/nhóm, lớp. Các phòng học đều được xây dựng kiên cố, theo quy định **[H5-1.5-01];; [H14-3.1-02] [H15-3.2-01].**

b) Nhà trường có 18 phòng sinh hoạt chung (Phòng sinh hoạt chung dùng chung cho các hoạt động học, ăn, ngủ, sinh hoạt hàng ngày); có 01 phòng để tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật và hoạt động giáo dục thể chất (gọi chung là phòng đa năng) đáp ứng nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non **[H15-3.2-02]; [H6-1.6-04].**

c) Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt được trang bị ở các phòng học, đủ ánh sánh và thoáng mát; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học ngăn nắp, gọn gàng **[H14-3.1-05]; [H1-1.1-02].**

 **Mức 2:**

a) Phòng sinh hoạt chung có 18 phòng/18 lớp có diện tích cụ thể: Mẫu giáo có 14 phòng, trong đó 06 phòng có diện tích 63,7m2/phòng; 02 phòng có diện tích 43,5 m2/phòng; 01 phòng có diện tích 54,8 m2/phòng; 01 phòng có diện tích 47 m2/phòng; 01 phòng có diện tích 45,2 m2/phòng; 01 phòng có diện tích 40,8 m2/phòng; 02 phòng có diện tích 28 m2/phòng; Nhà trẻ 04 phòng, 49,1 m2/phòng, bình quân 2,02 m2/trẻ, đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, nền nhà được lát gạch men không trơn trượt, đảm bảo an toàn; 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật có diện tích 60m2 thoáng mát, đủ ánh sáng đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên điểm trường Trung tâm có 02 phòng học và điểm Hải Hoà có 01 phòng học được cải tạo từ phòng chức năng diện tích hẹp **[H6-1.6-04]; [H14-3.1-04]; [H15-3.2-01]; [H14-3.1-02];**

b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật có 01 tủ đựng dụng cụ âm nhạc và trang phục văn nghệ của cô và trẻ, có đàn Oocgan, gương, gióng múa...Tại mỗi phòng học có hệ thống giá, kệ, tủ đựng đồ dùng cá nhân và đồ dùng chung, có từ 4 - 5 kệ, giá đựng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng **[H14-3.1-02]; [H6-1.6-04].**

 **Mức 3:**

Nhà trường có 01 phòng đa năng riêng, được trang bị đàn, các dụng cụ âm nhạc, tranh ảnh, dóng múa... để hàng ngày trẻ được tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật và hoạt động giáo dục thể chất. Hiện tại, nhà trường chưa có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học và ngoại ngữ **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-05].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ khối phòng học dành cho nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đáp ứng đủ cơ sở vật chất để phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất, phòng học luôn đảm bảo duy trì tốt các hoạt động giáo dục.

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ đều có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà trường.

 **3. Điểm yếu**

Trường có 03 phòng học được cải tạo từ phòng chức năng diện tích hẹp nên hằng năm chỉ bố trí được sĩ số trẻ/lớp ít và khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường chưa có phòng chức năng tin học, giáo dục thể chất, đa chức năng.

Mái tôn chống nóng của các phòng học điểm trường Trung tâm đã xuống cấp cần phải sửa chữa thay thế.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** | **Nguồn kinh phí** |
| Sửa chữa, thay thế mái tôn chống nóng cho các phòng học điểm trường khu Trung tâm. | Hiệu trưởng, kế toán | Tham mưu với Phòng Giáo dục và UBND thị xã cấp bổ sung kinh phí để sửa chữa | Giai đoạn 2023-2027 | 250.000.000 | Ngân sách sự nghiệp GD tập trung |
| Xây dựng bổ sung 02 phòng học các phòng chức năng, tin học, giáo dục thể chất, đa chức năng | Hiệu trưởngKế toán | Tham mưu với UBND phường và Thị xã mở rộng quy hoạch đất điểm trường khu Trung tâm để xây thêm các phòng chức năng | Giai đoạn 2023-2028 |  | Ngân sách thị xã |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

***Mức 1:***

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

***Mức 2:***

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

***Mức 3:***

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có các loại phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ- CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục bao gồm: Văn phòng trường, phòng Hiệu trường, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên **[H14-3.1-02]; [H6-1.6-04]; [H4-1.4-09].**

b) Khối các phòng hành chính- quản trị của nhà trường được trang bị máy móc, thiết bị văn phòng như: Máy tính, máy in, máy phô tô. Phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân. Khu vệ sinh được bố trí vệ sinh nam, nữ riêng biệt **[H4-1.4-09]; [H16-3.3-01].**

c) Nhà trường có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, được bố trí hợp lý, có mái che và hàng rào chắn, đảm bảo an toàn, trật tự **[H14-3.1-02].**

 **Mức 2:**

a) Các khối phòng hành chính- Quản trị có diện tích: Phòng Hiệu trưởng (24.0m2); phòng phó hiệu trưởng (20.0m2), văn phòng trường (64,6m2), phòng dành cho nhân viên (24,0m2), phòng bảo vệ (10 m2), Phòng y tế diện tích 24.0 m2, khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che, hàng rào chắn **[H14-3.1-02]; [H16-3.3-01].**

b) Nhà trường có khu để xe cho cán bộ giáo viên, nhân viên, có diện tích 75m2 và có mái che, rào chắn xung quanh **[H14-3.1-02].**

 **Mức 3:**

Đối chiếu với các quy định, hệ thống khối phòng hành chính quản trị của trường MN Đông Mai được thiết kế theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non **[H14-3.1-02]; [H16-3.3-01].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có đủ các khối phòng hành chính- Quản trị của điểm trung tâm, có diện tích đảm bảo theo quy định. Các phòng phòng hành chính- Quản trị được trang bị tương đối đầy đủ các loại đồ dùng trang thiết bị tối thiểu, các loại thiết bị đều được thiết kế, sắp xếp phù hợp đảm bảo theo tính chất công việc theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các phòng đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế, phương tiện làm việc, có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ tốt hoạt động quản lý, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

- Tại các điểm trường lẻ Thuận Thành và Hải Hoà không có phòng làm việc của giáo viên, quản lý.

- Các thiết bị làm việc như máy vi tính, máy in của bộ phận chuyên môn, do quá trình sử dụng nhiều năm đã xuống cấp, ảnh hưởng đến việc quản lý của bộ phận.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí**(đồng) | **Nguồn kinh phí** |
| Xây dựng bổ sung phòng làm việc khối hành chính tại các điểm trường. | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu PGD bố trí nguồn lực để bổ sung CSVC cho khối hành chính | Giai đoạn 2023-2027 |  | Nguồn ngân sách SNGD tập trung |
| Mua sắm tập trung 01 máy tính và 01 máy phô tô để phục vụ công tác quản lý  | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu PGD mua sắm tập trung TB khối hành chính | Giai đoạn 2023-2027 | 80.000.000 | Nguồn ngân sách SNGD tập trung |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.

***Mức 1:***

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

***Mức 2:***

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

***Mức 3:***

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có bếp ăn được thiết kế xây dựng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, bếp ăn được xây dựng kiên cố theo quy trình một chiều, có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia ăn. Có bảng biểu tuyên truyền, công khai, bảng thực đơn, phân công nhiệm vụ, lịch trực, vệ sinh, nấu…Có đồ dùng dụng cụ chế biến như: Bếp gas, tủ cơm gas, nồi gas, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, tủ lạnh chứa thực phẩm; Giá, tủ, rổ, rá, nồi… Thực hiện theo quy trình một chiều từ khâu tiếp nhận, sơ chế đến chia suất ăn. Có hệ thống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt theo tiêu chuẩn **[H6-1.6-04]; [H14-3.1-02].**

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và có sổ lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Có giấy chứng nhận bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch sử dụng trong trường **[H17-3.4-01]; [H10-1.10-08]; [H17-3.4-02].**

c) Bếp ăn của nhà trường có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ theo quy định **[H17-3.4-02]; [H17-3.4-03].**

 **Mức 2:**

Khu vực bếp ăn của nhà trường diện tích xây dựng theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non. Diện tích khu vực bếp ăn của trường là 135m2, diện tích bình quân trên một trẻ là 0,3m2. Các khu vực được phân chia theo một chiều gồm các khu: Sơ chế, khu nấu ăn, khu chia ăn, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Các thiết bị nhà bếp gồm: Đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường; dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm của trẻ ăn bán trú, nước sinh hoạt, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định, việc xử lý các chất thải đúng quy định. Hằng năm, bếp ăn của nhà trường được cơ quan y tế kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên bếp ăn do sử dụng lâu năm nên khu sơ chế và bàn chia ăn đang xuống cấp, thiếu thẩm mĩ. Tủ sấy bát ăn của bếp điểm trường Trung tâm nhỏ, sử dụng lâu năm nên hệ thống điện làm nóng để xấy kém hiệu quả. Bếp ăn chưa được trang bị hệ thống toa hút mùi **[H14-3.1-02]; [H6-1.6-04]; [H14-3.1-05]; [H17-3.4-01].**

**Mức 3:**

Bếp ăn thiết kế theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non, đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng; tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng; đồ dùng, dụng cụ được làm bằng chất liệu nhôm và inox dễ vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; có một số phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; có phương tiện để bảo quản thực phẩm; có hệ thống nước sạch đảm bảo hợp vệ sinh; có phương tiện đựng, thu gom vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác được làm chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc vệ sinh **[H14-3.1-03]; [H6-1.6-04]; [H4-1.4-08]; [H17-3.4-01].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có bếp ăn theo tiêu chuẩn xây dựng trường mầm non chuẩn Quốc gia TCVN-3907: 2011, đảm bảo đúng quy cách, hợp vệ sinh, được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều; có kho thực phẩm đảm bảo vệ sinh, ngăn nắp; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày; có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường. Có hệ thống nước sạch đảm bảo hợp vệ sinh. Rác thải được sử lý hàng ngày. Có giấy chứng nhận bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

**3. Điểm yếu**

- Bếp ăn do sử dụng lâu năm nên khu sơ chế và bàn chia ăn đang xuống cấp, thiếu thẩm mĩ.

- Bếp ăn chưa được trang bị hệ thống toa hút mùi. Tủ sấy bát ăn của bếp điểm trường Trung tâm nhỏ, sử dụng lâu năm nên hệ thống điện làm nóng để xấy kém hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã đạt được. Bảo quản, sử dụng các thiết bị có hiệu quả.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Cải tạo lại khu sơ chế bệ bếp nền gạch khu Trung tâm và Hải Hòa | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Kinh phí | Tháng 8/2024  | 15.000.000 |
| Trang bị toa hút mùi cho bếp ăn điểm trường Trung tâm  | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Kinh phí | Tháng 04/2025 | 20.000.000 |
| Trang bị tủ xấy bát mới cho bếp ăn điểm trường Trung tâm | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Kinh phí | Tháng 08/2025 | 20.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

***Mức 1:***

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

***Mức 2:***

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

***Mức 3:***

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường được trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng- đồ chơi- thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Tuy nhiên một số đồ dùng, đồ chơi trong danh mục thiết bị tối thiểu của các nhóm, lớp cũ, hỏng hiệu quả sử dụng kém **[H18-3.5-01]; [H6-1.6-04]; [H4-1.4-09]; [H18-3.5-02].**

b) Nhà trường thường xuyên phát động giáo viên tích cực làm đồ dùng đồ chơi tự tạo từ các nguyên vật liệu phế thải phục vụ cho hoạt động dạy và học. Các loại đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, phù hợp, an toàn cho trẻ. Một số đồ dùng, đồ chơi có chất lượng đã đạt giải trong hội thi đồ dùng, đồ chơi tự làm cấp trường. Một số đồ dùng, đồ chơi đã được chọn tham dự hội thi đồ dùng, đồ chơi tự làm cấp thị xã **[H6-1.6-05]; [H14-3.1-06].**

c) Hằng năm định kỳ vào đầu năm học, cuối học kỳ và đến cuối năm học, nhà trường thành lập ban kiểm kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng và lập kế hoạch, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi vào đầu năm học mới **[H18-3.5-03]; [H18-3.5-04].**

 **Mức 2:**

a) Nhà trường trang bị 13 máy tính cho cán bộ quản lý, nhân viên và một số lớp. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Hiện tại một số máy vi tính được trang cấp tại các phòng học được sử dụng nhiều năm đã hỏng không còn sử dụng được **[H18-3.5-05]; [H18-3.5-06]; [H18-3.5-07].**

b) Nhà trường có các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non **[H6-1.6-04]; [H18-3.5-08].**

c) Hằng năm, nhà trường được cấp phát và mua sắm bổ sung thêm thiết bị dạy học, đồng thời bổ sung các loại đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục do giáo viên, phụ huynh tự làm thông qua các hội thi làm thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ giảng dạy và các chuyên đề do cấp trên phát động như thiết bị đồ dùng đồ chơi phát triển thể chất, đồ dùng đồ chơi phát triển trí tuệ cho trẻ **[H18-3.5-09]; [H14-3.1-06].**

**Mức 3:**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, an toàn, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên một số đồ dùng, đồ chơi tự làm có niên hạn sử dụng ngắn, độ bền thấp, nhanh hỏng **[H18-3.5-09]; [H18-3.5-08]; [H18-3.5-10].**

 **2. Điểm mạnh**

Trường mầm non Đông Mai có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục đồ dùng- đồ chơi- thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ có ý thức trong việc sử dụng và giữ gìn đồ dùng- đồ chơi- thiết bị dạy học, đặc biệt các thiết bị điện tử, nhà trường có kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên. Nhà trường có đủ hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Giáo viên tích cực khai thác thông tin phục vụ bài dạy. Phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi được duy trì hàng năm, tập thể cán bộ giáo viên tham gia sôi nổi đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

 **3. Điểm yếu**

- Một số đồ dùng, đồ chơi trong danh mục thiết bị tối thiểu của các nhóm, lớp cũ, hỏng hiệu quả sử dụng kém. Một số máy vi tính được trang cấp tại các phòng học được sử dụng nhiều năm đã hỏng không còn sử dụng được.

- Một số đồ dùng, đồ chơi tự làm có niên hạn sử dụng ngắn, độ bền thấp, nhanh hỏng.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(triệu đồng)** | **Nguồn kinh phí** |
| Thanh lý các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị đã hỏng không sử dụng được | Hiệu trưởng, kế toán | Thành lập hội đồng trường, thanh lý | Năm học 2023 – 2024  |  |  |
| Mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp. | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu với HT bố trí nguồn lực để mua sắm bổ sung thiết bị | Giai đoạn 203-2027 | 250 | Nguồn chi thường xuyên đơn vị |
| Phát động phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự làm  | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Xây dựng kế hoạch triển khai tới CBGV nhà trường | Giai đoạn 203-2027 | 25 | Nguồn chi thường xuyên đơn vị |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

***Mức 1:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

***Mức 2:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường có các phòng vệ sinh cho trẻ 18/18 nhóm, lớp, phòng vệ sinh khép kín trong lớp học, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật; Nhà trường có 02 khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường **[H14-3.1-02]; [H6-1.6-04].**

b) Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; có nguồn nước máy, nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ hàng ngày được lấy từ nguồn nước sạch của công ty nước Quảng Yên cho trẻ sử dụng. **[H19-3.6-01]; [H19-3.6-03].**

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải, rác sinh hoạt vệ sinh môi trường, cụ thể: Có thùng đựng và phân loại rác thải. Thùng đựng rác có nắp đậy sạch sẽ. Rác được thu gom hằng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không có rác thải tồn đọng trong nhà trường gây ô nhiễm môi trường. Nhà trường có hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với cá nhân đủ điều kiện **[H19-3.6-02].**

**Mức 2:**

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát đảm bảo trung bình từ 0,4 - 0,6 m2 cho một trẻ, có vòi nước rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai và trẻ em gái, có bô có nắp đậy cho trẻ nhà trẻ. Khu vệ sinh cho CBGVNV, có bồn rửa tay và đầy đủ thiết bị vệ sinh cần thiết. Tuy nhiên một số phòng vệ sinh của một số lớp như: Lớp mẫu giáo 4 tuổi A, 4 tuổi B, 4 tuổi C nền nhà vệ sinh đã xuống cấp có hiện tượng thấm nước sàn làm ẩm tường của các lớp tầng 1. Các khu vực vòi xả nước cũng đều bị thấm nước làm ẩm mốc tường **[H14-3.1-02]; [H6-1.6-04].**

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Bảo đảm chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Có hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải theo quy định: Có thùng đựng và phân loại rác thải. Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế, bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong trường đảm bảo vệ sinh môi trường **[H19-3.6-01]; [H19-3.6-02]; [H19-3.6-03]; [H6-1.6-04]; [H17-3.4-01].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ phòng vệ sinh cho trẻ và khu vệ sinh cho CBGVNV đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, đều được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh; Có hệ thống cung cấp nước sạch và hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 5 thông tư liên tịch số 13/TTLT-BGDĐT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học.

**3. Điểm yếu**

Phòng vệ sinh cho trẻ do sử dụng lâu năm nên một số thiết bị đã xuống cấp thường xuyên phải sửa chữa như: Bệt vệ sinh hay bị tắc và rò rỉ nước; cống thoát nước sàn bị tắc; sàn vệ sinh của lớp 4 tuổi A,B và lớp 4 tuổi C khu trung tâm bị thấm nước xuống tường nhà vệ sinh lớp nhà trẻ A và phòng ngủ lớp Nhà trẻ B. Các khu vực vòi xả nước rửa tay điểm trường Trung tâm tường cũng đều đã bị ngấm nước.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Nhà trường tiếp tục duy trì việc quản lý và sử dụng có hiệu quả khu vệ sinh, hệ thống thoát nước | CBGVNV, trẻ | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Thường xuyên sửa chữa, thay thế các thiết bị vệ sinh bị hỏng | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu với HT bố trí nguồn lực để sửa chữa | Giai đoạn 2023-2027 | 150.000.000 |
| Cải tạo sửa chữa nền phòng vệ sinh 2 lớp 4 tuối A và C.  | Hiệu trưởng, kế toán | Tham mưu với PGD và UBND thị xã cấp bổ kinh phí | Tháng 7/2024 | 60.000.000 |
| Sửa chữa, xử lý nguyên nhân thấm nước của tất cả các bồn rửa tay của các lớp khu trung tâm | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu với HT bố trí nguồn lực để sửa chữa | Tháng 7/2024 | 30.000.000 |
| Sơn lại các phần tường đã bị thấm nước  | Hiệu phó phụ trách CSVC, kế toán | Tham mưu với HT bố trí nguồn lực để sửa chữa | Tháng 11/2023  | 5.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường Mầm non Đông Mai được xây dựng kiên cố, có khuôn viên rộng rãi, phù hợp với yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường có biển tên trường, tường rào bao quanh. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có cây xanh và được cắt tỉa đẹp thường xuyên, có vườn cây, vườn hoa. Sân chơi đảm bảo an toàn và có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định.

Nhà trường có đủ số lượng phòng học, phòng giáo dục nghệ thuật và khối phòng hành chính quản trị theo quy định Điều lệ trường mầm non. Các phòng đủ diện tích, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, ánh sáng phù hợp, có đủ các đồ dùng và phương tiện cần thiết để làm việc. Phòng học có đủ đồ dùng, thiết bị theo quy định của Bộ GD&ĐT, trang trí đẹp mắt, phù hợp với trẻ mầm non. Bếp ăn xây dựng theo quy trình bếp một chiều được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Có nhà để xe CBGVNV. Có phòng vệ sinh cho trẻ và khu vệ sinh riêng cho CBGVNV đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Hằng năm, nhà trường có biện pháp chỉ đạo duy trì, kiểm tra, theo dõi việc sử dụng tài sản, thiết bị dạy học CSVC, thực hiện tốt công tác tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc đầu tư, nâng cấp và mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học. Giáo viên tích cực làm đồ dùng đồ chơi, sử dụng đồ chơi hiệu quả, chủ động, sáng tạo trong việc khai thác và sử dụng thiết bị, đồ chơi trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Về cơ bản điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng đủ các điều kiện thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

 Ngoài những mặt mạnh còn một số hạn chế cần khắc phục:

Đồ chơi ngoài trời chưa phong phú, do sử dụng nhiều năm, một số đồ chơi xuống cấp không còn thẩm mĩ.Một số máy vi tính được trang cấp tại các phòng học được sử dụng nhiều năm đã hỏng nên trong quá trình sử dụng gặp khó khăn.

Một số hạng mục công trình xây dựng lâu năm cũng đã xuống cấp cần được cải tạo sửa chữa. Nhà trường chưa có phòng tin học, ngoại ngữ.

Kết quả đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 6/6= 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 6/6 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/5 = 80%.

##### Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

###### Mở đầu:

Để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ thì mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trở thành một yêu cầu cấp thiết và đòi hỏi có sự đầu tư quan tâm đúng mức. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu về việc chăm sóc, giáo dục đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện đang được toàn xã hội quan tâm.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài trường như công đoàn, đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Đảng ủy, HĐND, UBND Đông Mai nhằm thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ em trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, Ban đại diện Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp với Lãnh đạo nhà trường và giáo viên các nhóm, lớp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác giáo dục đến các bậc cha mẹ nhằm nâng cao trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ nhà trường bổ sung thiết bị, cơ sở vật chất, tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Trường Mầm non Đông Mai được phát triển như ngày hôm nay là có sự quan tâm đặc biệt của chính quyền địa phương, phụ huynh và các lực lượng xã hội khác trên địa bàn. Đây là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành quả giáo dục của nhà trường trong những năm qua.

###### Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.

***Mức 1:***

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

***Mức 2:***

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

***Mức 3:***

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm, ban đại diện cha mẹ trẻ của các lớp được bầu trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm học theo thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ trẻ của mỗi lớp có 03 người gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 uỷ viên. Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường gồm từ 03 đến 05 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và từ 01 đến 03 thành viên. Ban đại diện CMHS của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu đại diện ở các lớp. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường và các lớp họp thường kỳ 3 lần (01 lần vào đầu năm học, 01 lần vào sơ kết học kỳ I và 01 lần vào cuối năm học) để triển khai tổ chức các hoạt động theo nhiệm vụ năm học, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được trong năm học. Trong năm học, có những hoạt động phát sinh, Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhà trường và các lớp đã tổ chức họp đột xuất để triển khai, lấy ý kiến của cha mẹ trẻ em toàn trường **[H20-4.1-01]; [H20-4.1-02].**

b) Hằng năm, vào đầu năm học, Ban đại diện cha mẹ trẻ em xây dựng kế hoạch hoạt động, công bố rộng rãi kế hoạch đến cha mẹ trẻ vào buổi họp phụ huynh các lớp đầu năm học. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em được xây dựng căn cứ vào đặc điểm tình hình của nhà trường, nhằm phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học đồng thời, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, nuôi dưỡng, giáo dục đạo đức cho trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường xây dựng phong trào của từng lớp, của nhà trường góp phần xây dựng môi trường giáo dục Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn- Thân thiện **[H20-4.1-03]; [H20-4.1-04].**

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch, cụ thể: Đầu các năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh các lớp, bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp sau đó tiến hành họp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ em trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các lớp, của trường xây dựng kế hoạch cụ thể và hoạt động theo đúng lịch trình đã xây dựng. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch và đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo. Được báo cáo vào dịp tổng kết năm học của nhà trường hàng năm và biên bản họp đại diện cha mẹ trẻ của trường và họp phụ huynh trẻ của từng nhóm lớp **[H20-4.1-05]; [H1-1.1-02]; [H2-1.2-07].**

 **Mức 2:**

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Tham gia phối hợp tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ như: Các hội thi trong năm học, Tết Trung thu, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Hội diễn văn nghệ, tiệc Buffet…. hỗ trợ nhà trường trong công tác khen thưởng cho các cháu, hỗ trợ tặng quà cho các cháu khuyết tật và các cháu có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp khai giảng năm học mới, Tết Nguyên Đán, Tết Trung thu. Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp cùng nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ các nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ trẻ em còn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện về an toàn giao thông khu vực cổng trường và thực hiện chương trình “Tôi yêu Việt Nam” do nhà trường phát động. Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, bảo đảm an toàn thực phẩm đối với bếp ăn, tổ chức bán trú cho trẻ tại nhà trường. Tuy nhiên vai trò của Ban đại diện cha mẹ trẻ em ở một số lớp chưa rõ nét trong công tác phối hợp với giáo viên và Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường như: Chưa nhiệt tình tham gia vào các hoạt động phối hợp tổ chức ngày Hội, ngày lễ cho các con. Khả năng tuyên truyền vận động tới các phụ huynh trong nhóm, lớp đạt hiệu quả chưa cao **[H20-4.1-03]; [H20-4.1-06]; [H20-4.1-05].**

**Mức 3:**

Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Tuyên truyền huy động trẻ đến trường, phối hợp trong công tác phổ cập trẻ 5 tuổi, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật. Phối hợp với nhà trường và trạm y tế phường trong việc tuyên truyền vận động cho trẻ tiêm phòng và phòng chống các dịch bệnh theo mùa, tuyên truyền phòng chống suy dinh dưỡng và kiến thức VSATTP. Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã rất tích cực phối hợp với nhà trường trong thực hiện các nhiệm vụ, tuy nhiên công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ các nhóm, lớp chưa được toàn diện **[H20-4.1-05]; [H20-4.1-07];**

**2. Điểm mạnh**

Trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ về mọi mặt. Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp cùng nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền và vận động phụ huynh thực hiện tốt các chủ trương của nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động ngày hội, ngày lễ như: Khai giảng năm học mới; Trung thu; Tết thiếu nhi; tổ chức chuyên đề; Hội thi; Tiệc Buffet. Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức họp 3 lần: đầu năm học, cuối kỳ I và cuối năm học.

Trong các cuộc họp, các bậc phụ huynh có mặt khá đầy đủ, tỷ lệ chung toàn trường là trên 90%, Và đặc biệt trong khi thảo luận các bậc phụ huynh đã nhất trí 100% các chủ trương của nhà trường cùng các khoản đóng góp, thu nộp đã được công khai. Trong suốt cả 5 năm năm học không có ý kiến, đơn từ nào của phụ huynh khiếu nại về các vấn đề thu chi, quản lý, và các hoạt động của nhà trường.

Vận động xây dựng quỹ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ các lớp công khai, tự nguyện ủng hộ và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh huy động được khoảng 20 triệu đến 30 triệu đồng, sử dụng hỗ trợ nguồn khen thưởng cho trẻ, thăm các cháu ốm, thăm và tặng quà các cháu khuyết tật và các cháu có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán, mua quà tổ chức các ngày Hội, ngày lễ. Bên cạnh đó Ban đại diện cha mẹ trẻ em cùng nhà trường xây dựng đề án xã hội hoá công trình như lắp đặt điều hoà tất cả các phòng học, ủng hộ ngày công cải tạo vườn trường, đóng góp nguyên vật liệu mở tạo môi trường cho trẻ hoạt động nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

 **3. Điểm yếu**

Vai trò của Ban đại diện cha mẹ trẻ em ở một số lớp chưa rõ nét trong công tác phối hợp với giáo viên và Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường như: Chưa nhiệt tình tham gia vào các hoạt động phối hợp tổ chức ngày Hội, ngày lễ cho các con. Khả năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ các nhóm, lớp chưa được toàn diện.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trong các năm học để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | CBGVNV, cha mẹ trẻ | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Các lớp lựa chọn, bổ sung vào Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, lớp các phụ huynh nhiệt tình, quan tâm đến giáo dục | Giáo viên và cha mẹ trẻ | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Hỗ trợ, phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng năm học và giám sát hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, tạo điều kiện để Ban đại diện phát huy hiệu quả hoạt động. | CBQL, giáo viên, BĐDCMTE | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

***Mức 1:***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

***Mức 2:***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

***Mức 3:***

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục trong năm học, báo cáo đề xuất với Đảng ủy, UBND phường về các hoạt động lớn trong năm học. Trên cơ sở cấp ủy, chính quyền địa phương đã đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của giáo dục vào kế hoạch của địa phương, đồng thời chỉ đạo việc triển khai thực hiện trong năm học. Cụ thể nhà trường chủ động phối hợp với Đảng ủy, HĐND, UBND phường Đông Mai trong công tác điều tra phổ cập, tham mưu về cơ sở vật chất, tuyên truyền hoạt động tuyển sinh, xác nhận các khoản thu đầu năm trong từng năm học, xác nhận Dự án xã hôi hoá giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường **[H21-4.2-01].**

b) Hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động hướng dẫn tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Thông qua đài phát thanh của phường, các buổi họp các ban ngành đoàn thể, hội phụ nữ. Phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng của phường để tuyên truyền; tuyên truyền qua các cuộc họp **[H21-4.2-02].**

c) Hàng năm, nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hợp pháp và nhận được nhiều sự quan tâm ủng hộ của các tổ chức cá nhân ủng hộ ngày công, kinh phí để tạo môi trường cảnh quan xanh- sạch- đẹp- an toàn và đồ dùng phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ như: Tiểu đoàn 14 ủng hộ ngày công để cải tạo vườn trường điểm lẻ khu Thuận Thành; cha mẹ trẻ tặng chậu hoa, cây cảnh tạo vườn hoa cho các cháu hoạt động trải nghiệm; năm học 2022-2023 thực hiện Dự án XHHGD lắp đặt Điều hoà cho các phòng học và đã nhận được đông đảo các cha mẹ trẻ đồng tình ủng hộ. Được thể hiện trong hồ sơ quản lý tài sản, tài chính của nhà trường. Tuy nhiên nhà trường chưa huy động được các tổ chức ngoài nhà trường ủng hộ về cơ sở vật chất cho nhà trường **[H1-1.1-02]; [H21-4.2-03]; [H6-1.6-05];**

**Mức 2:**

a) Nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; tham mưu đưa chỉ tiêu, phương hướng phát triển nhà trường của từng giai đoạn (2016- 2020; 2021- 2025) vào nghị quyết của Đảng bộ, chính quyền địa phương. Tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND thị xã hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện kế hoạch phát triển. Cụ thể hằng năm căn cứ vào điều kiện tình hình thực tế, nhà trường chủ động tham mưu đầu tư kinh phí để nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các công trình của nhà trường để đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ và từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đạt hiệu quả **[H1-1.1-01]; [H21-4.2-04].**

b) Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương và trong nhà trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương, đưa các hình ảnh lễ hội, sự kiện để tuyên truyền. **[H21-4.2-04]; [H21-4.2-05]; [H1-1.1-02]; [H2-4.2-06]**

 **Mức 3:**

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương**.** Tuy nhiênnhà trường chưa có Quyết định công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hoá.

 **2. Điểm mạnh**

Mọi hoạt động của nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và cá nhân nên đạt hiệu quả cao.

Công tác tham mưu của các đồng chí cán bộ quản lý của nhà trường đạt hiệu quả cao. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương. Hằng năm, nhà trường được đầu tư cải tạo và nâng cấp CSVC để đảm bảo các tiêu chí xây dựng trường mầm non đạt chuẩn.

Các tổ chức đoàn thể địa phương nhiệt tình, luôn quan tâm ủng hộ phong trào của nhà trường với nhiều hoạt động thể hiện tình cảm và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với thế hệ trẻ, tạo cho trẻ có môi trường giáo dục lành mạnh.

 **3. Điểm yếu**

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, mấy năm gần đây nền kinh tế của địa phương có phần bị ảnh hưởng nên sự ủng hộ về cơ sở vật chất, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn cho nhà trường cũng bị hạn chế. Đặc biệt là chưa huy động được các tổ chức ngoài nhà trường ủng hộ về cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Nhà trường chưa có Quyết định công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hoá.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường với cấp uỷ đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong các năm học để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | CBQL | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Huy động nguồn lực các tổ chức ngoài nhà trường ủng hộ về cơ sở vật chất cho nhà trường | CBQL | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Nguồn XHH  |
| Thực hiện tốt và kịp thời hơn công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng và phát triển nhà trường trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương. | CBQL | Không | Năm học 2023 – 2024 và các năm tiếp theo | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Nhà trường có đầy đủ các thành phần ban đại diện cha mẹ trẻ của lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ (Thông tư số 55/2011TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Nhà trường thực hiện tốt việc tuyên truyền và sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hội cha mẹ trẻ của trường trong những năm qua đã hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển trong nhà trường.

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu, chủ động phối hợp có hiệu quả với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể của phường nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, xây dựng nhà trường xanh - sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

Nhà trường đã phối hợp một cách linh hoạt với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và địa phương để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn và lành mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế:

Công tác tuyên truyền phói hợp với phụ huynh chưa được đa dạng, phong phú. Chưa huy động được các nguồn lực tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường ủng hộ về cơ sở vật chất cho nhà trường. Nhà trường chưa có Quyết định công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hoá.

Kết quả đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2= 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 1/2 = 50%.

##### Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

###### Mở đầu:

Trường mầm non là “ngôi nhà” thứ hai của trẻ bởi vì khi đến trường, trẻ không chỉ được học tập vui chơi mà trẻ còn được các cô chăm sóc từ bữa ăn đến giấc ngủ. Mục tiêu của giáo dục và đào tạo là phát triển cả về trí tuệ và thể lực, trong sáng về đạo đức. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường để trẻ đạt kết quả tốt theo các lĩnh vực phát triển, giáo dục giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong học tập, vui chơi. Trong những năm qua, nhà trường luôn xác định hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để từ đó xác định các nhiệm vụ khác theo định hướng tập trung các điều kiện nhân lực, vật lực đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất. Luôn đảm bảo 100% số trẻ đến trường được an toàn về thể chất tinh thần, được phát triển bình thường khỏe mạnh theo độ tuổi. Kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ được giáo viên phụ trách các nhóm, lớp đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng.

###### Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

***Mức 1:***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

***Mức 2:***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

***Mức 3:***

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT. Hiện tại, nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021: Bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học, thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống. Phù hợp với sự phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, giúp trẻ phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi;... Giáo viên chủ động trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”. Xây dựng kế hoạch giáo dục và chỉ đạo các tổ thực hiện theo kế hoạch đã đề ra **[H1-1.1-06]; [H8-1.8-01].**

b) Hằng năm căn cứ Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi, nhà trường đã cùng với các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và phát triển Chương trình giáo dục mầm non cho các độ tuổi theo các lĩnh vực phát triển của trẻ. Các mục tiêu được xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và lồng vào các hoạt động phù hợp với độ tuổi. Kế hoạch được thảo luận và thống nhất trước khi chỉ đạo các tổ triển khai thực hiện **[H1-1.1-02]; [H4-1.4-06].**

c) Chương trình giáo dục mầm non định kỳ được nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Cụ thể: Giáo viên thực hiện đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề, đánh giá cuối giai đoạn. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ, của trường, giáo viên có ý kiến phản hồi về việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và sau mỗi chủ đề các tổ báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá cuối chủ đề của từng độ tuổi, từ đó nhà trường có căn cứ để điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp hơn với khả năng nhận thức của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và quan trọng nhất là giúp trẻ đạt được kết quả mong đợi của các lĩnh vực giáo dục **[H8-1.8-01]; [H22-5.1-01]; [H22-5.1-01].**

 **Mức 2:**

a) Trường mầm non Đông Mai tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động ở trường. Hầu hết giáo viên luôn quan tâm đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động từ đó giúp nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, trẻ có các kỹ năng hoạt động tốt. Tỷ lệ trẻ đạt ở các độ tuổi từ 99%-100% các lĩnh vực phát triển giáo dục. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa quan tâm đổi mới hình thức tổ chức giáo dục, chưa linh hoạt trong việc thực hiện chương trình GDMN **[H22-5.1-03]; [H1-1.1-02].**

b) Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non từ chương trình khung của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, căn cứ điều kiện thực tế của trường, điều kiện thực tế của địa phương, khả năng nhu cầu, hứng thú của trẻ, từ đó phát triển thành chương trình chi tiết, cụ thể phù hợp với nhà trường, thể hiện ở sự khác biệt trong xác định mức độ mục tiêu trong từng độ tuổi, ở nội dung phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ và chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình. Từ kế hoạch thực hiện chương trình chung của trường, giáo viên ở mỗi lớp lựa chọn nội dung cụ thể (chủ đề cụ thể) để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chủ đề cụ thể đó cho từng thời điểm thích hợp với những nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của lớp và nhu cầu, hứng thú cũng như vốn kinh nghiệm và khả năng của trẻ. Thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, thay đổi chương trình học, chương trình hoạt động của trẻ dựa trên kết quả quan sát, đánh giá trẻ trong các hoạt động. Trong 5 năm qua nhà trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo tính khoa học vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển, đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo phù hợp với điều kiện môi trường, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Tuy nhiên một số giáo viên trình độ, tính sáng tạo, linh hoạt còn hạn chế trong thực hiện việc phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, trường, lớp, phù hợp với đối tượng trẻ **[H22-5.1-03];**

 **Mức 3:**

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi, phù hợp với văn hoá dân tộc và thực tiễn của trường. Nhà trường chưa áp dụng phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới **[H22-5.1-03];**

b) Hằng năm, tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục trong năm học tiếp theo để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, có đầy đủ các sổ họp tổ, nhóm chuyên môn theo quy định. **[H1-1.1-02]; [H4-1.4-10].**

**2. Điểm mạnh**

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo đúng kế hoạch, bám sát sự chỉ đạo của ngành GD&ĐT, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt việc phát triển Chương trình GDMN tại các nhóm, lớp nhằm phù hợp với khả năng của từng trẻ. Định kỳ hằng tháng, chủ đề, cuối kỳ, cuối năm học tổ chức đánh giá hiệu quả việc thực hiện chương trình và phát triển chương trình tại mỗi tổ, nhóm, lớp; đánh giá hiệu quả, sự phù hợp của chương trình đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.

Nhà trường thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng, phát triển Chương trình giáo dục, định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh kịp thời phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ theo phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Nhà trường thực hiện tốt việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non, thực hiện chương trình giáo dục mầm non linh hoạt theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

 **3. Điểm yếu**

- Một số giáo viên trình độ, tính sáng tạo, linh hoạt còn hạn chế trong thực hiện việc phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, trường, lớp, phù hợp với đối tượng trẻ.

- Nhà trường chưa áp dụng phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm thực hiện Chương trình GDMN.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên kĩ năng phát triển phát triển Chương trình GDMN: Phân công giáo viên cốt cán bồi dưỡng trực tiếp. | Cán bộ phụ trách CM, GV cốt cán | Không | Tháng 9/2023 |  |
| Tham khảo áp dụng Stems vào phát triển Chương trình GDMN | CBQL, GV cốt cán | Tài liệu tham khảo  | Tháng 9/2023 và các năm tiếp theo |  |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

###### Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

***Mức 1:***

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

***Mức 2:***

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

***Mức 3:***

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Dựa trên kế hoạch giáo dục các độ tuổi, giáo viên đã tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như: Quan sát- đàm thoại, giảng giải- thuyết trình, động viên- khuyến khích, tình cảm- khích lệ, nêu gương, đánh giá... nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và tổ chức hoạt động linh hoạt mang lại hiệu quả; Nhà trường luôn chú trọng chỉ đạo giáo viên đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục. Đa số giáo viên luôn linh hoạt, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học”. Bên cạnh đó các phương pháp dạy học được các giáo viên sử dụng đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục đã xây dựng, kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Quan trọng hơn nữa là các phương pháp giáo dục được áp dụng tại các nhóm, lớp luôn phù hợp với khả năng của trẻ và điều kiện của nhà trường. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong việc đổi mới các phương pháp giáo dục **[H8-1.8-01].**

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Nhà trường triển khai hiệu quả chuyên đề “xây dựng trường mâm non lấy trẻ làm trung tâm”, theo đó các năm học có tổ chức phát động các phong trào thi đua “Tạo môi trường lấy trẻ làm trung tâm” đã tạo được môi trường trong các lớp học phong phú, đa dạng, trang trí đẹp đã tạo sự kích thích tích cực hoạt động ở trẻ, giúp trẻ hào hứng, phát huy tính sáng tạo, khi vui chơi và trải nghiệm. Nhà trường bố trí, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động trong lớp và ngoài trời phù hợp với mục tiêu giáo dục, thuận tiện cho việc sử dụng của giáo viên và trẻ. Môi trường ngoài trời phong phú, đa dạng, mang tính mở, đáp ứng cơ bản nhu cầu khám phá, trải nghiệm, vui chơi của trẻ. Nhà trường có góc trải nghiệm, sáng tạo; vườn hoa, rau trải nghiệm, vườn cây ăn quả, khu vui chơi với cát, nước, sân vận động,...được bố trí, xắp xếp hợp lý tạo môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện, tạo mọi cơ hội cho trẻ tham gia khám phá, trải nghiệm, sáng tạo, kích thích sự phát triển toàn diện cho trẻ **[H21-4.2-05]; [H1-1.1-02].**

c) Các hoạt động giáo dục được đa số giáo viên tổ chức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của lớp, của trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Giáo viên đã chú ý đầu tư lựa chọn các hoạt động giáo dục phù hợp, xây dụng bài giảng giáo án điện tử kết hợp giữa hoạt động tĩnh và động, linh hoạt trong hình thức tổ chức giúp trẻ hứng thú trong các hoạt động như hình thức tham quan, trải nghiệm, hoạt động sáng tạo...

 Trong quá trình hoạt động giáo viên lựa chọn các hoạt động để trẻ được trải nghiệm, vui chơi như hoạt động tạo hình với nguyên vật liệu mở. Bên cạnh những hoạt động trong giờ chính khóa, nhà trường còn quan tâm xây dựng kế hoạch giáo dục ngoại khóa cho trẻ, lồng ghép các nội dung giáo dục vào các hoạt động tham quan, trải nghiệm, lễ hội tại địa phương và tại nhà trường một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả cao như: Ngày Hội đến trường của bé 5/9, tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Lễ hội mừng xuân, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6. Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch tổ chức cho trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi và trẻ 5-6 tuổi tham quan Đình làng, Miếu vua Bà, trường Tiểu học, Doanh trại bộ đội đóng trên địa bà, để giáo dục trẻ tình yêu quê hương đất nước, tự hào dân tộc, các hoạt động tổ chức phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường nên đã đem lại được kết quả giáo dục tốt cho trẻ **H8-1.8-01]; [H23-5.2-01]; [H23-5.2-02].**

 **Mức 2:**

Trong triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm, Nhà trường đã chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế sẵn có trường, lớp. Những hoạt động trải nghiệm ở môi trường trong lớp học, môi trường ngoài lớp học của nhà trường được quan tâm đặc biệt thông qua các hoạt động hằng ngày như: Hoạt động học, hoạt động góc, vui chơi ngoài trời…. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức cho trẻ các buổi trải nghiệm thông qua các ngày hội ngày lễ: Ngày tết trung thu, tết Nguyên đán, Ngày 8/3, Tiệc Buffet... Trong các các hoạt động trải nghiệm trẻ được thực hành nhiều các kĩ năng như: làm bánh, bó rau, đóng gói thực phẩm, pha nước hoa quả... từ đó giúp cho trẻ phát triển một cách toàn diện **[H8-1.8-01]; [H23-5.2-01].**

**Mức 3:**

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục an toàn, có sự bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài lớp phù hợp, thuận tiện với sự phát triển thể chất của trẻ, thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Trong lớp học các giáo viên xây dựng một môi trường với những màu sắc sinh động và ngộ nghĩnh. Môi trường có không gian, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ: Bố trí các góc hoạt động hợp lí, các góc hoạt động có ranh giới rõ ràng, có lối đi cho trẻ di chuyển thuận tiện khi liên kết giữa các góc chơi. Sắp xếp các góc để giáo viên có thể dễ dàng quan sát, giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ. Các đồ dùng và học liệu hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo ra các cơ hội học tập khác. Xây dựng môi trường ngoài lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ. Đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh: không có đồ sắc nhọn, không độc hại, được vệ sinh sạch sẽ, được bảo dưỡng định kì, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của trường. Nhà trường xây dựng tốt môi trường giáo dục có phương tiện, điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, khả năng thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên một số lớp giáo viên chưa tạo được môi trường đa dạng, phong phú nguyên vật liệu mở để cho trẻ thực hành, trải nghiệm. Nguyên vật liệu ở các góc chơi ít được bổ sung thường xuyên theo từng chủ đề. Chưa tổ chức được các hoạt động cho trẻ trải ghiệm với quy mô lớn **H8-1.8-01]; [H23-5.2-01].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Đa số giáo viên thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ linh hoạt phù hợp với mục tiêu giáo dục và nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng phong phú nhiều hình thức theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của lứa tuổi trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

 **3. Điểm yếu**

Còn một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp giáo dục. Một số lớp giáo viên chưa tạo được môi trường đa dạng, phong phú nguyên vật liệu mở để cho trẻ thực hành, trải nghiệm. Nguyên vật liệu ở các góc chơi ít được bổ sung thường xuyên theo từng chủ đề. Chưa tổ chức được các hoạt động cho trẻ trải ghiệm với quy mô lớn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Nhà trường tiếp tục duy trì phát huy điểm mạnh trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | CBQL,GV | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Bồi dưỡng chuyên môn cho những giáo viên còn hạn chế về việc đổi mới phương pháp giáo dục: Phân công giáo cốt cán dự giờ bồi dưỡng trực tiếp. | Cán bộ phụ trách CM, GV cốt cán | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tăng cường kiểm tra, giám sát các nhóm, lớp thưc hiện việc tạo môi trường phong phú nguyên vật liệu mở để cho trẻ thực hành trải nghiệm. | Cán bộ phụ trách CM | Không | Thường xuyên trong các năm học Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tổ chức ngày hội Steam. | CBQL, GV, PH và trẻ | Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực để thực hiện | Tháng 4/2024 và các năm tiếp theo giai đoạn 2023-2027 | 100.000.000 |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

***Mức 1:***

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

***Mức 2:***

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

***Mức 3:***

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phối hợp với cơ sở y tế phường Đông Mai tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, thực hiện khám sức khỏe 2 lần/năm: Lần 1 vào tháng 9, lần 2 vào tháng 3. Có kế hoạch phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường, có kế hoạch phối hợp y tế phường về bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em theo thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ y tế và Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành **[H10-1.10-05]; [H24-5.3-01].**

b) Hằng năm nhà trường phối hợp với cơ sở y tế phường Đông Mai thực hiện kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng cho 100% trẻ em học tại trường: Khám sức định kỳ 02 lần/năm học (tháng 9 và tháng 3); Đo chiều cao, cân nặng, theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ mỗi tháng một lần (đối với trẻ dưới 24 tháng tuổi), mỗi quý một lần (đối với trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi). Riêng trẻ từ 60 tháng tuổi, theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI). Ngoài ra những trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi, trẻ có nguy cơ béo phì được theo dõi và cân đo mỗi tháng 01 lần **[H24-5.3-02]; [H24-5.3-03].**

c) Nhà trường có kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ em suy dinh dưỡng. Hằng năm, 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng biện pháp phù hợp. Có chương trình phối hợp phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em với các tổ chức đoàn thể địa phương, phối kết hợp với phụ huynh có chế độ ăn uống phù hợp đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng và tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm. Cuối năm số lượng trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thấp còi có giảm so với đầu năm học. Cụ thể: Năm học 2018- 2019, đầu năm trẻ suy dinh dưỡng: 08 , thấp còi: 03 ; cuối năm, trẻ suy dinh dưỡng: 05 ; thấp còi: 03. Năm học 2019- 2020, đầu năm: Trẻ suy dinh dưỡng: 06, thấp còi 03, cuối năm: trẻ suy dinh dưỡng: 03 ; thấp còi: 03. Năm học 2020- 2021, đầu năm: Trẻ suy dinh dưỡng: 05, thấp còi: 03, cuối năm: suy dinh dưỡng: 02, thấp còi: 01; Năm học 2021-2022, đầu năm: Trẻ suy dinh dưỡng: 05, , thấp còi: 03, cuối năm: Trẻ suy dinh dưỡng: 04 , thấp còi 03; Năm học 2022-2023, đầu năm: Trẻ suy dinh dưỡng: 08, thấp còi: 03, cuối năm: dinh dưỡng: 04, thấp còi: 02. Tuy nhiên vẫn còn một số trẻ có cân nặng ở mức thấp gần sát mức SDD và mức độ tăng cân còn chậm. Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi hằng năm giảm chưa đáng kể **[H24-5.3-04]; [H24-5.3-05].**

 **Mức 2:**

a) Bằng nhiều hình thức nhà trường tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ và người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ: thông qua các buổi họp CMTE; thông qua bảng tin của trường, của lớp; thông qua việc tổ chức các ngày hội, ngày lễ, phát tờ rơi tới từng CMTE. Bên cạnh đó giáo viên phụ trách các nhóm lớp thường xuyên trao đổi, tư vấn trực tiếp với CMTE về các vấn đề liên quan đến trẻ như: ăn ngủ, sinh hoạt, sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, ... thông qua giờ đón trẻ, trả trẻ, qua bảng theo dõi thể lực sức khỏe treo trước cửa lớp, qua điện thoại để cha mẹ trẻ nắm bắt tình hình sức khỏe, tinh thần của con mình. Tuy nhiên do đặc thù công việc của một số phụ huynh còn hạn chế về thời gian nên sự phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp trong công tác chăm sóc trẻ chưa cao **[H24-5.3-05]; [H24-5.3-06]; [H1-1.1-02]; [H20-4.1-05].**

b) Nhà trường xây dựng thực đơn cho trẻ phù hợp theo tuần, theo mùa, chế độ ăn cân đối, đa dạng các nguyên liệu, phối hợp món ăn hợp lý để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường học: Đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2017, xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Công khai thực đơn hàng ngày trên bảng thực đơn nhà trường để các bậc phụ huynh có thể theo dõi, phối hợp với nhà trường trong việc tham gia xây dựng thực đơn và giám sát chất lượng thực phẩm, chất lượng bữa ăn của trẻ. Thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng chăm sóc sức khỏe với mục đích tăng cân đối với những trẻ bình thường và trẻ suy dinh dưỡng, hạn chế sự tăng cân của trẻ thừa cân, bảo đảm sức khoẻ cho trẻ.100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học **[H17-3.4-02].**

 **Mức 3:**

Hằng năm, Trường mầm non Đông Mai phối hợp với trạm y tế phường Đông Mai tổ chức kiểm tra sức khỏe, chấm trên biểu đồ phát triển, kết quả số trẻ phát triển bình thường theo cân nặng và theo chiều cao luôn đạt từ 98% trở lên. Cập nhật vào hồ sơ theo dõi sức khoẻ của từng trẻ **[H24-5.3-07]; [H24-5.3-02].**

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phối hợp với y tế tại địa phương thực hiện có hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Thường xuyên thực hiện tuyên truyền, tư vấn về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ của trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học. Các năm học đều không có trẻ bị thừa cân, béo phì. Hằng năm, kết quả số trẻ phát triển bình thường theo cân nặng và theo chiều cao luôn đạt từ 98% trở lên.

 **3. Điểm yếu**

- Hằng năm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ cuối năm đều giảm so với đầu năm từ 1 đến 2%. Tuy nhiên vẫn còn một số trẻ có cân nặng ở mức thấp gần sát mức SDD và mức độ tăng cân còn chậm. Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi hằng năm giảm chưa đáng kể.

- Do đặc thù công việc của một số phụ huynh còn hạn chế về thời gian nên sự phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp trong công tác chăm sóc trẻ chưa cao.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Nhà trường tiếp tục duy trì phát huy tốt hơn kết quả chăm sóc sức khoẻ cho trẻ. | CBQL,GV,NV | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tích cực tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện. | NV y tế, GV  | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Có kế hoạch giải pháp không chỉ khắc phục tình trạng cho những trẻ SDD mà phải đưa cả những trẻ có nguy cơ SDD để có chế độ ăn phù hợp giúp trẻ tăng cân và có sức khoẻ tốt. | Cán bộ phụ trách bán trúNV y tế, GV và cô nuôi | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Thay đổi thực đơn phong phú, đa dạng hơn, đảm bảo chế độ dinh dưỡng để giúp trẻ ăn ngon miệng. | Cán bộ phụ trách bán trú | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Tổ chức bữa ăn Buffet cho trẻ. | CBGVNV và phụ huynh | Kinh phí | Thời điểm phù hợp trong từng năm học Giai đoạn 2023-2027 | Phụ huynh đóng góp |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

***Mức 1:***

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

***Mức 2:***

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

***Mức 3:***

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

a) Trường Mầm non Đông Mai nằm trên địa bàn phường thuộc vùng nông thôn của thị xã, nhiều năm liền nhà trường luôn chú trọng công tác phát triển số lượng, tỷ lệ huy động trẻ ra lớp tăng qua các năm. Định kỳ hằng tháng, năm học, tỷ lệ chuyên cần trung bình của toàn trường đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ 24- 48 tháng (trẻ dưới 5 tuổi) đạt 97% trở lên. Có hồ sơ quản lý trẻ, sổ theo dõi trẻ, sổ theo dõi đánh giá trẻ, Sổ tổng hợp của nhà trường **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-04]; [H24-5.3-03];.**

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non hằng năm luôn đạt 100%, kết quả cụ thể được lưu trong hồ sơ phổ cập hằng năm **[H25- 5.4-01].**

c) Năm học 2018- 2019 nhà trường có 01 trẻ 4- 5 tuổi khuyết tật về ngôn ngữ, trí tuệ chậm phát triển; 2019-2020 nhà trường có 02 trẻ 5- 6 tuổi khuyết tật về ngôn ngữ, trí tuệ chậm phát triển. Hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ khuyết tật học hòa nhập được thực hiện theo kế hoạch giáo dục cá nhân, áp dụng theo thông tư số 03/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật **[H25-5.4-02]; [H22-5.1-01]; [H2-1.2-04]; [H5-1.5-04].**

**Mức 2:**

a) Nhà trường có hồ sơ quản lý trẻ các nhóm, lớp, giáo viên tổng hợp theo quy định. Tỷ lệ chuyên cần luôn đạt từ 98% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 97% trở lên đối với trẻ dưới 5 tuổi [**H5-1.5-01]; [H25-5.4-01]; [H5-1.5-04]; [H24-5.43-03].**

b) Nhà trường thực hiện tốt chương trình chăm sóc giáo dục trẻ, có danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% **[H25-5.4-03].**

c) Năm học 2018- 2019 nhà trường có 1 trẻ 4- 5 tuổi khuyết tật về ngôn ngữ, trí tuệ chậm phát triển; 2019-2020 nhà trường có 2 trẻ 5- 6 tuổi khuyết tật về ngôn ngữ, trí tuệ chậm phát triển. Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ rõ rệt. Có hồ sơ chăm sóc trẻ khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên giáo viên không có chuyên môn sâu về giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật. Những năm gần đây tỷ lệ trẻ có triệu chứng mắc bệnh tự kỷ và tăng động tương đối nhiều, tuy nhiên do nhận thức của phụ huynh chưa muốn chấp nhận nên ngại không cho con đi khám. Dẫn đến khó khăn cho giáo viên trong việc xác định sức khoẻ của trẻ để có kế hoạch chăm sóc, giáo dục phù hợp **[H5-1.5-02];**  **[H25-5.4-02];**  **[H5-1.5-04].**

 **Mức 3:**

a) Nhà trường đã thực hiện tốt chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định, có đầy đủ các loại hồ sơ: Hồ sơ phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non, hồ sơ quản lý trẻ, hồ sơ chăm sóc trẻ khuyết tật học hòa nhập, kế hoạch giáo dục, sổ ghi chép của giáo viên, sổ tổng hợp của nhà trường và được báo cáo sơ kết, tổng kết với tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% **[H25-5.4-01]; [H25-5.4-03]; [H5-1.5-01]; [H5-1.5-04]; [H24-5.3-03].**

b) Trong 5 năm, trường có 03 trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ rõ rệt. Có hồ sơ chăm sóc trẻ khuyết tật học hòa nhập ghi chép sự tiến bộ của trẻ, có báo cáo tổng kết hàng năm. **[H5-1.5-02]; [H2-1.2-04]; [H5-1.5-02].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ các lớp, nhóm (sổ theo dõi...), giáo viên tổng hợp đầy đủ, đúng quy định. Hằng năm, tỷ lệ chuyên cần của nhà trường đạt từ 98% trở lên. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, hồ sơ trẻ khuyết tật học hòa nhập (năm học 2018- 2019; 2019-2020). Thực hiện tốt chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp với từng độ tuổi, phù hợp tình hình thực tế của địa phương, vùng miền. Kết quả cuối năm học tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

 **3. Điểm yếu**

 Giáo viên không có chuyên môn sâu về giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật.

Những năm gần đây tỷ lệ trẻ có triệu chứng mắc bệnh tự kỷ và tăng động tương đối nhiều, tuy nhiên do nhận thức của phụ huynh chưa muốn chấp nhận nên ngại không cho con đi khám. Dẫn đến khó khăn cho giáo viên trong việc xác định sức khoẻ của trẻ để có kế hoạch chăm sóc, giáo dục phù hợp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Làm tốt công tác tuyên truyền cho CMTE đưa trẻ đến lớp đều nhằm nâng tỷ lệ chuyên cần của các tháng lên cao hơn nữa. | Giáo viên  | Không | Các tháng trong năm học 20223-2024 và các năm tiếp theo | Không |
| Đối với những phụ có con có dấu hiệu của chứng tự kỷ và tăng động: Tuyên truyền, phân tích cho phụ huynh hiểu và nắm rõ hơn về lợi ích của việc cho trẻ đi khám để có biện pháp can thiệp kịp thời cho trẻ thì trẻ sẽ có cơ hội nhiều hơn.  | NV y tế, GV | Không | Thường xuyên trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không |

 **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

###### Kết luận tiêu chuẩn 5

Trường mầm non Đông Mai nhiều năm liền luôn thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, Công tác tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất luôn kịp thời tạo được môi trường giáo dục cho trẻ vui chơi và hoạt động. Công tác phát triển số lượng, tỷ lệ huy động trẻ ra lớp luôn đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Hàng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi trong phường hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và có 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi.

Nhà trường thực hiện đúng, đủ chương trình, kế hoạch giáo dục. Chỉ đạo thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, và các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện tốt mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Hằng năm, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động theo chủ đề và các hoạt động theo chuyên đề, ngày hội, ngày lễ, các hoạt động trải nghiệm để rèn kĩ năng sống cho trẻ. Công tác giáo dục được quan tâm và thực hiện giảng dạy theo đúng quy định của ngành.

Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ đáp ứng được mục tiêu giáo dục và chất lượng ngày càng cao. Tỷ lệ trẻ có cân nặng, chiều cao phát triển bình thường đạt 98% trở lên, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm so với đầu năm. Bên cạnh đó, trẻ đến trường được phát triển toàn diện về các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm - quan hệ xã hội. Đa số trẻ có ý thức, nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động.

Bên cạnh đó còn có một số giáo viên kĩ năng còn hạn chế trong việc thực hiện phát triển Mục tiêu trong xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và kế hoạc giáo dục chủ đề của nhóm, lớp. Nhà trường chưa áp dụng phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Một số giáo viên Còn một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp giáo dục, chưa tạo được môi trường đa dạng, phong phú nguyên vật liệu mở để cho trẻ thực hành, trải nghiệm, Nguyên vật liệu ở các góc chơi ít được bổ sung thường xuyên theo từng chủ đề. Nhà trường chưa tổ chức được các hoạt động cho trẻ trải nghiệm với quy mô lớn.

Giáo viên dạy trẻ khuyết tật không có chuyên môn sâu về giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật.

Kết quả đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4= 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 3/4 = 75%.

### II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

##### Tiêu chí 1:

 *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và hướng dẫn thực hiện chuyên môn cấp học mầm non của Sở, Phòng GD&ĐT, nhà trường phát triển Chương trình GDMN của nhà trường và các nhóm, lớp bám sát Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành. Chú trọng tổ chức các hoạt động áp dụng hiệu quả mô hình giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” để phát triển toàn diện cho trẻ, giúp trẻ được tự chủ, tự lập, phát huy tính sáng tạo và sự tập trung chú ý khi tham gia các hoạt động. Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hoá của địa phương, đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ em. Tuy nhiên nhà trường chưa tham khảo một số phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới thế giới để phát triển chương trình.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng; phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Định kì hàng năm, nhà trường tiến hành công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hoá của địa phương, đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ em.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN chưa tham khảo một số phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới thế giới để phát triển chương trình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, giáo viên: phối hợp học tập với các trường đã dụng các phương pháp tiên tiến. | - CBQL, giáo viên | Không | Tháng 10/2023 | Không |
| Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị để áp dụng phương pháp giáo dục stem | - CBQL, giáo viên | Kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | 300.000.000 |
| Xây dựng lớp điểm ứng dụng các phương pháp tiên tiến. Tổ chức tiết mẫu, chuyên đề. | Giáo viên | Không | Tháng 10,11/2023 |  |
| Áp dụng đại trà các lớp thực hiện phương pháp giáo dục tiên tiến. | BGH, giáo viên | Không | Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo |  |

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

##### Tiêu chí 2:

*Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Hiện tại nhà trường có 33 giáo viên, cơ cấu đội ngũ giáo viên hợp lý đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non. 33/33 giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, lành mạnh có sức khỏe tốt, có lòng nhiệt tình. Hằng năm giáo viên được đánh giá theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 95% trở lên giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên **[H12- 2.2-04]; [H1- 1.1-02].** Cụ thể.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số giáo viên** | Xếp loại Tốt | xếp loại khá | xếp loại TB | Không xếp loại |
| 2018-2019 | 37 | 0 | 35 | 02 |  |
| 2019-2020 | 35 | 2 | 32 | 0 | 1 (Gv mới) |
| 2020- 2021 | 34 | 0 | 34 | 0 |  |
| 2021-2022 | 35 | 4 | 31 | 0 |  |
| 2022-2023 | 33 | 4 | 29 | 0 |  |

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, lành mạnh có sức khỏe tốt, có lòng nhiệt tình. Đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 95% trở lên giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Năng lực của một số giáo viên chưa tương xứng với trình độ đào tạo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. | - CBQL, giáo viên | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Không |
| Xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. | - CBQL, giáo viên | Kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | Không |

**5. Tự đánh giá tiêu chí 2: Đạt**

##### Tiêu chí 3:

*Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường mầm non Đông Mai có tổng diện tích khuôn viên đất là 5.654,2 m2, diện tích đất bình quân cho một trẻ là 12,30 m2 đảm bảo theo quy định. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non, phù hợp cho trẻ tham gia các hoạt động khám phá trải nghiệm. Khuôn viên nhà trường được quy hoạch tương đối gọn gàng và khoa học, phân chia các khu vực khác nhau phù hợp với diện tích của trường, nhu cầu vui chơi của trẻ. Được quét dọn, vệ sinh hàng ngày đảm bảo vệ sinh sạch sẽ; môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, khám phá và trải nghiệm với môi trường thiên nhiên giúp trẻ em phát triển toàn diện **[H14-3.1-02].**

**2. Điểm mạnh**

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đảm bảo theo qui định, các khu vực hoạt động trải nghiệm, khám phá an toàn, phù hợp. Bố trí đủ các góc chơi cho trẻ hoạt động, sân chơi có các cây xanh bóng mát, đảm bảo an toàn cho trẻ vui chơi trải nghiệm.

**3. Điểm yếu**

Một số khu vực hoạt động, vui chơi ngoài trời cho trẻ chưa theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.Sân vườn diện tích hạn chế nên chưa tạo được các khu vực phát triển vận động, khu vui chơi dân gian.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Tạo khu vực hoạt động, vui chơi ngoài trời cho trẻ phong phú, đa dạng hơn. | CBQL, giáo viên | Tham mưu với UBND thị xã cấp kinh phí | Giai đoạn 2023-2027 | 300.000.00 |

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

##### Tiêu chí 4:

*100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường có 18 phòng học/18 nhóm lớp, được xây dựng kiên cố, có phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng ngủ cho trẻ. Nhà trường có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật và giáo dục thể chất. Phòng rộng, thoáng mát, có đầy đủ dụng cụ phục vụ cho hoạt động nghệ thuật và hoạt động thê chất. Nhà trường có các phòng hành chính – quản trị theo quy định. Chưa có phòng tư vấn tâm lý, các phòng được trang bị thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 100% các công trình được xây dựng kiên cố, có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đảm bảo theo quy định. Trong quá trình sử dụng nhà trường đã chú trọng công tác bảo quản, sửa chữa, tích cực tham mưu với cấp trên mua sắm bổ sung, nâng cấp thiết bị đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu của công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

 Trường chưa có phòng tư vấn tâm lý riêng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Mở rộng diện tích đất điểm trường khu trung tâm để xây thêm phòng học và phòng chức năng phục vụ công tác tư vấn tâm lý riêng | Hiệu trưởng | Tham mưu với địa phương quy hoạch mở rộng diện tích đất điểm trường khu trung tâm | Giai đoạn 2023-2027 | Không |

**5. Tự đánh giá: Không đạt.**

##### Tiêu chí 5:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, trường mầm non Đông Mai xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển giáo dục giai đoạn 2016- 2020 và giai đoạn 2021- 2025. Phương hướng, chiến lược xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực về cơ sở vật chất, đội ngũ của nhà trường, đã trình Phòng GD&ĐT Quảng Yên phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả, cơ bản đảm bảo các mục tiêu ngắn hạn **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-06].**

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã xác định được tầm nhìn và phương hướng cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được niêm yết công khai, từng bước đưa nhà trường phát triển theo các giai đoạn và năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non. Từ phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường đã cụ thể hóa các mục tiêu và hoàn thành các mục tiêu ngắn hạn.

**3. Điểm yếu**

Mục tiêu dài hạn của phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường chưa hoàn thành về nội dung nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn cho đôi ngũ giáo viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí** |
| Động viên và tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng chuẩn. | Hiệu trưởng | Không | Giai đoạn 2023-2027 | Tự túc |

**5. Tự đánh giá: Không đạt.**

##### Tiêu chí 6:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học và ký giao ước thi đua phấn đấu các danh hiệu cụ thể: Năm học 2018-2019 trường đạt tập thể lao động xuất sắc, được chủ tịch UBND tỉnh tặng cờ thi đua; Các năm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023 trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được chủ tịch UBND thị xã tặng giấy khen. Có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng **[H8-1.8-05]**

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học bám sát theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh, Phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên và tình hình thực tế của địa phương, nhà trường triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết thống nhất, nghiêm túc thực hiện các qui chế trong nhà trường. Nhà trường nhiều năm liên tục được chủ tịch UBND thị xã tặng giấy khen. Năm học 2019-2020, nhà trường được chủ tịch UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng.

**3. Điểm yếu**

Trong thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường chưa mạnh dạn áp dụng chương trình giáo dục của một số nước tiên tiến trong khu vực.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp/Công việc cần thực hiện** | **Người thực hiện**  | **Điều kiện để thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí****(đồng)** |
| Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, học tập kinh nghiệm các phương pháp giáo dục tiên tiến. | CBQL,GV | Kinh phí, tài liệu, đơn vị để học tập | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp | 100.000.000 |

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

##### Kết luận các tiêu chí Mức 4

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động áp dụng hiệu quả mô hình giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” để phát triển toàn diện cho trẻ, giúp trẻ được tự chủ, tự lập, phát huy tính sáng tạo và sự tập trung chú ý khi tham gia các hoạt động. Phát triển Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. Hằng năm, có 95% trở lên giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, 12% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt. 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 04 năm được chủ tịch UBND thị xã tặng giấy khen, 01 năm được chủ tịch UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Có 3 năm được đạt tập thể Tiên tiến xuất sắc.

Bên cạnh đó, nhà trường chưa áp dụng được phương pháp giáo dục tiên tiến, chưa hoàn thành được hết các mục tiêu dài hạn trong phuơng hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Chưa bố trí được khu vực phát triển vận động, khu vui chơi dân gian cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện; Trường chưa có phòng tư vấn tâm lý cho trẻ.

**Kết luận các tiêu chí mức 4:**

Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 1/6 = 16,6%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 4: 5/6 = 74,4%

## Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá, với 05 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí, hơn 200 thông tin minh chứng thu được là những bằng chứng sát thực cho một quá trình phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Tất cả thành viên trong nhà trường thống nhất rất cao và quyết tâm thực hiện công tác kiểm định chất lượng. Nhà trường đã thực hiện đúng quy trình tự đánh giá theo 7 bước tại Điều 23, Chương III Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trong thời gian qua, các thành viên của nhà trường đã nỗ lực làm việc với tinh thần tự giác và đầy trách nhiệm, đặc biệt là Hội động tự đánh giá. Các đồng chí làm việc rất bài bản, có kế hoạch cụ thể, có tinh thần sáng tạo và thực sự tâm huyết. Hội đồng tự đánh giá đã vận dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non theo Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non; Hướng dẫn số 2712/SGDĐT-GDMN ngày 05/10/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng; công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài và quy trình thực hiện thủ tục hành chính công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Hội đồng tự đánh giá đã thu thập, xử lý và phân tích được minh chứng trong đó có nhiều minh chứng được sử dụng 2 đến 5 lần.

Với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí, 141 chỉ số trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non. Trường mầm non Đông Mai tự đánh giá và nhận thấy được những điểm mạnh và điểm còn hạn chế qua từng chỉ số, đồng thời đề xuất những biện pháp cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường trong những năm tiếp theo. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

***\* Về các tiêu chí***

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 25 /25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %.

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %.

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %.

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0 /25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %.

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 13/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 68,4%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt 6/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 31,5%.

- Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt 1/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 16,6%.

+ Số lượng tiêu chí không đạt 5/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 74,4%.

**Mức đánh giá của trường mầm non: Đạt mức 2**

Căn cứ theo Điều 34 và Điều 37 của Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Căn cứ vào mức độ đã đạt được, đối chiếu với yêu cầu quy định về mức độ chuẩn, nhà trường đề nghị Hội đồng đánh giá ngoài đánh giá và công nhận Trường Mầm non Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá của trường mầm non Đông Mai về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong các cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** ***-*** Đoàn đánh giá ngoài SGD&ĐTQN (Đ/g);- Phòng GD&ĐT Quảng Yên (b/c);- UBND phường Đông Mai (b/c);- Lưu VT, HĐTĐG./. | *Quảng Ninh, ngày 28 tháng 07 năm 2023* **HIỆU TRƯỞNG** **Phạm Thị Hiên** |